

# CHƯ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 6

### PHẦN THỨ 8: THỌ TRAI

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

#### *Thứ 1: Trình bày duyên ý*

Chánh pháp sở dĩ được lưu truyền rộng rãi, là do quý trọng tôn kinh, ruộng phước sở dĩ được tăng trưởng, là nhờ công đức trai giới, nên bỏ một bữa ăn để cúng dường thì phước báo về thức ăn có mãi, bố thí chỉ một đồng tiền được phước báo vượt hẳn cõi trời. Thế nên, ruộng phước đáng tôn trọng, tài của nhiều cũng có thể xem thường, cùng ở trong hội cây vô giá, tích tụ nhiều phước đức vô hạn.

#### *Thứ 2: Duyên dẫn chứng*

Trong kinh Cựu Tập Thí Dụ dạy: Xưa có bốn dòng họ thính Phật thọ thực, trong đó có người bán sữa bò. Dòng họ lớn giữ lại thức ăn, theo lời dạy để giữ giới, nghe kinh rồi mới trở về. Người vợ nói: Tôi đợi từ sáng sớm chưa ăn, nên ép người chồng ăn, đã hoại tâm trai giới của ông, tuy vậy nhưng vẫn được bảy lần sanh lên cõi trời và bảy lần ở thế gian. Thầy dạy: Một ngày giữ trai giới được thức ăn hơn sáu mươi vạn năm, lại có năm phước đức: Một là ít bệnh, hai là thân được an ổn, ba là tâm ít tham muốn, bốn là ít ngủ nghỉ, năm là sanh lên cõi trời thường biết những việc làm đời trước. Lại vua Ba Tư Nặc muốn thưởng phu nhân Mạc Lợi chuỗi trâm, rồi bảo ra cung ngắm nhìn. Phu nhân vào ngày trai giới mặc áo lụa đi ra, giữa sáu vạn phu nhân bà sáng như mặt trời mặt trăng, đẹp hơn thường gấp bội. Nhà vua ngạc nhiên, sanh tâm cung kính, hỏi: Sao đạo đức lại tỏ rõ khác thường như vậy?

Phu nhân thưa: Thiếp biết, phước ít nên thọ thân nữ cấu uế này, chỉ trong ngày đêm có thể mất mạng, sợ đọa vào ba đường. Vì thế mỗi

ngày phải giữ gìn pháp Phật, từ bỏ yêu thương, theo đạo pháp, đời đời nhờ phước, nguyện đem chuỗi trăm dâng cúng Thế tôn.

Trong kinh A-hàm dạy: Bấy giờ, Lộc Tử Mẫu Tỳ Xá Khư, sáng sớm tắm rửa, mặc áo sạch sẽ, dẫn vợ con cùng quyến thuộc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, thưa Thế tôn: Hôm nay con muốn giữ giới Thập thiện.

Đức Phật hỏi: Hôm nay, vợ người giữ giới chăng?

Giới có ba loại: Những gì là ba? Một là, giới thả bò con. Hai là giới Ni kiền. Ba là giới Bát quan trai. Thế nào là giới thả bò con? Nếu thả bò sáng sớm vào hồ, quá trưa dẫn về lại thôn. Khi trở về thôn lại suy nghĩ: Ngày hôm nay, ta thả bò ở chỗ này, ngày mai ta phải thả bò ở chỗ kia. Hôm nay, bò của ta ăn ở chỗ này, ngày mai phải đến chỗ kia ăn. Hôm nay, bò của ta ngủ ở chỗ này, ngày mai đến ngủ ở chỗ kia. Người cũng như vậy, nếu giữ gìn giới thì phải suy nghĩ: Hôm nay, ta ăn thức ăn như thế này, ngày mai, phải ăn thức ăn như kia. Hôm nay, ta uống nước như thế này, ngày mai phải uống nước như thế kia. Hôm nay, ta ăn uống tiêu hóa như thế này, ngày mai ta phải ăn uống tiêu hóa như thế kia. Người này ở trong ngày đêm ưa thích quá nhiều. Đây gọi là giới thả bò con. Nếu người giữ giới như vậy thì không được lợi lớn, không được quả lớn, không được công đức lớn, không được lưu truyền rộng rãi. Thế nào là giới của Ni kiền? Là người xuất gia của phái Ni kiền, người ấy khuyên mọi người: Ở phương Đông của ông hơn một trăm do tuần có một chúng sanh thường ủng hộ người, từ bỏ dao gậy, ở phương Nam, Tây, Bắc cũng vậy, hoặc cởi bỏ y áo lỏa thân. Ta không có cha mẹ vợ con, thường hay nói dối mà cho là chơn đế, hoặc chấp giữ các pháp tà như khổ hạnh đói khát. Đây gọi là giới của phái Ni kiền. Nếu người nào giữ giới như vậy cũng không được lợi lớn, không được quả lớn, không được công đức lớn, không được lưu truyền rộng rãi. Thế nào gọi là giới Bát quan trai? Là đệ tử của bậc Thánh đa văn. Nếu ai giữ giới thì nghĩ như vậy: Là bậc đầy đủ mười danh hiệu, trọn đời xa lìa sát sanh, trừ bỏ sát sanh, xả bỏ dao gậy, có tâm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh mà tâm thanh tịnh, cho đến trọn đời xa lìa ăn phi thời, từ bỏ ăn phi thời, chỉ ăn một bữa, không ăn ban đêm, thích ăn đúng thời. Ta cho tám giới này cùng với mười danh hiệu giống nhau không khác, nên gọi là giới. Người ấy an trú vào tám giới của bậc Thánh này, trước hết phải nghĩ: Như Lai không chấp trước vào mười danh hiệu, ra khỏi thế gian, được pháp thanh tịnh, xả bỏ các pháp bất thiện nhiễm ô, xấu ác. Đây gọi là giới Bát quan trai. Nếu thiện nữ

giữ giới Bát quan trai thì khi qua đời được sanh lên cõi trời Lục dục, xa lìa bốn quả Sa-môn. Trong kinh Bồ tát thọ trai dạy: Nếu ai tự mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng mà thân người đó đã từng làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác hôm nay đã diệt hết. Con là... thọ giới Bồ tát bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, tự quay về với Bồ tát. Đức Phật bảo Tu-bồ-đề, ngày trai giới của Bồ tát có mười pháp: Ngày trai giới thứ nhất của Bồ tát không được tô điểm phấn son, xông ướp hương hoa, dầu thơm. Ngày trai giới thứ hai của Bồ tát không được ca múa, đánh trống, thổi kỹ nhạc. Ngày trai giới thứ ba của Bồ tát không được nằm giường cao. Ngày trai giới thứ tư của Bồ tát, sau giờ Ngọ không được ăn. Ngày trai giới thứ năm của Bồ tát, không được cầm nắm dao, vàng bạc, châu báu. Ngày trai giới thứ sáu, của Bồ tát, không được cỡi bò ngựa, đi xe. Ngày trai giới thứ bảy của Bồ tát, không được đánh đập con, người hầu và súc sanh. Ngày trai giới thứ tám của Bồ tát, đều giữ những giới này, theo đàn bố thí thì được phước lớn. Ngày trai của Bồ tát, không được ngủ nghỉ mà phải ở trước Phật chấp tay thưa: Ngày nay, tất cả mười phương chúng con đều trì giới thực hành sáu độ (Ba-la-mật), ai cũng được vô lượng an lạc, thêm phần hoan hỷ, phước bố thí mười phương, tất cả nhân, phi nhân ở những nơi nguy khốn, khổ nhọc đều khiến được phước, giải thoát sâu khổ, sanh ra được làm người an ổn, giàu sang, vui sướng vô cùng.

Ngày trai giới thứ chín của Bồ tát, không được ăn hết thức ăn trong bình bát.

Ngày trai giới thứ mười của Bồ tát, không được cùng cười đùa với người nữ ở chỗ vắng. Người nữ cũng vậy. Đây là mười giới không được phạm cũng không bảo người khác phạm, lại không được khuyến khích người khác phạm. Khi Bồ tát giải giới thì nên tụng: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tỳ-kheo Tăng. Con là... đã giữ giới Bồ tát bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, theo đàn bố thí, được sáu Ba-la-mật, như pháp sáu vạn Bồ tát hạnh của chư Bồ tát, ngày đêm giữ giới, đầu đêm ngồi thiền, giữa đêm tụng kinh, cuối đêm nằm nghỉ. Đây là pháp của những ngày trai giới của Bồ tát. Thọ vào ngày mười bốn tháng giêng, đến ngày mười bảy giải giới. Thọ từ ngày mồng tám tháng tư đến ngày mười lăm giải giới. Thọ từ ngày mồng một tháng bảy đến ngày mười sáu giải giới. Thọ từ ngày mười bốn tháng chín đến ngày mười sáu giải giới.

Thuật rằng: Đã thọ giới rồi, nếu muốn giải giới, thì đợi minh tướng xuất hiện (mặt trời mọc) mới được ăn cơm, nếu không như vậy thì phá giới. Thế nào gọi là minh tướng? Như trong luận Tát-bà-đa dạy: Minh

tướng có ba loại màu sắc. Nếu mặt trời chiếu đến cây Diêm phù đề, tức có màu đen; nếu chiếu nơi lá cây thì có màu xanh; nếu chiếu trên lá cây thì có màu trắng. Đối với ba màu này, màu trắng là chính, khi ấy mới được giải giới ăn cơm.

Luật Tăng-kỳ dạy: Khi Phật an trú ở thành Xá-vệ, phương Nam có làng Đại-lâm, có một thương nhân đuổi tám con bò đến phương Bắc của nước Câu-đa. Ở nước đó, cũng có người buôn đang thả bò trong hồ. Lúc đó, có một Ly xa đuổi bắt con rồng để ăn, bắt được một con rồng cái, Con rồng ấy đã thọ giới Bồ tát, nên không sanh tâm sát hại, sau đó Ly-xa xâu mũi dẫn đi.

Người buôn thấy vậy, khởi tâm từ bi, hỏi Ly-xa: Người dẫn con rồng này muốn để làm gì?

Đáp: Ta muốn giết.

Người buôn nói: Chớ giết, ta sẽ đổi cho người một con bò.

Ly-xa đuổi bắt bò mãi không được cả tám con, liền nói: Thịt này rất ngon, hôm nay, vì người nên ta sẽ thả nó.

Người buôn lo sợ, khi thả rồng cái đi rồi, lại suy nghĩ: Người này rất ác, sợ trở lại đuổi bắt, nên đem thả ở hồ khác, chạy theo để xem chừng, thì rồng đã biến thành người và nói với thương nhân: Người đã cho ta mạng sống, nay ta xin báo ân, cùng ta vào cung sẽ báo ân cho người.

Người buôn trả lời: Bản tánh của rồng hay sân giận bộc phát, không thường có thể giết ta.

Rồng đáp: Không có như vậy, người trước trói ta, sức mạnh của ta có thể giết được người đó, nhưng ta đã thọ giới Bồ tát đều không có tâm giết hại, huống nữa nay người cho ta mạng sống mà ta gia tâm giết hại sao! Nếu chưa đi thì hãy đến trong đó một tí, trước để ta thu dọn rồi mời vào, sau khi vào trong cung, liền thấy bên cửa rồng có hai con rồng bị trói nơi cột.

Người buôn hỏi: Các người làm việc gì mà bị trói?

Hai con rồng đáp: Rồng nữ này trong nửa tháng, có giữ giới ba ngày, anh em chúng tôi phải bảo vệ Rồng nữ, do giữ không kỹ nên để Ly-xa đuổi bắt, vì thế mà bị trói, nguyện xin Người thương xót mà nói với Rồng cái thả chúng tôi ra, Rồng cái thu dọn xong liền mời vào cung ngồi trên giường báu. Rồng cái nói: Trong cung rồng có thức ăn có thể dùng trọn đời, có người dùng hai mươi năm, có người dùng bảy năm, có người ăn thức ăn Diêm-phù-đề. Nhưng hôm nay không biết người dùng thức ăn gì?

Đáp: Tôi muốn ăn thức ăn của cõi Diêm-phù-đề, tức thì rỗng đưa đến các thứ thức ăn cho ông.

Người buôn hỏi RỒNG cái: các con rồng này vì sao mà bị trói?

RỒNG cái đáp: Chúng có lỗi muốn giết ta.

Người buôn nói: Người chẳng sát sanh thì không cần phải giết chúng. Người thả chúng ra ta sẽ dùng thức ăn ấy.

RỒNG cái đáp: Không được thả chúng, phải phạt sáu tháng rồi đuổi xuống nhân gian. Người buôn thấy trong cung rồng có trang hoàng đủ thứ châu báu. Người buôn liền hỏi: Người trang hoàng đủ thứ như vậy, thọ giới Bồ tát làm gì?

Trả lời: Pháp rồng của ta có năm lần khổ. Những gì là năm? Đó là khi sanh, khi ngủ, khi dâm, khi sân giận, khi chết. Trong mỗi ngày có ba lần da thịt rơi xuống đất, phơi thân trên cát nóng.

Lại hỏi: Người muốn mong cầu điều gì?

Đáp: Ta muốn được sanh ở trong nhân đạo, vì khổ trong loài súc sanh là không biết Phật pháp, muốn đến xuất gia trong pháp của Như lai. Rồng cái liền dâng biểu tám bình vàng và nói: Số vàng này, cha mẹ và bà con của người dùng trọn đời không hết. Lại nói: Người cũng thích ngắm nhìn, tức thì dùng thần thông đem số vàng về nước, lấy tám bình vàng dâng cho cha mẹ. Vàng của rồng này hết rồi lại đây, dùng trọn đời không thể hết. Nói kệ:

*Cấm chạy theo vị thơm  
Giữ thân chỉ biết đủ  
Ngồi phải đủ oai nghi  
Tổng cộng hơn năm vạn.  
Giới hương thơm khắp nơi  
Các căn đều đóng kín  
Chớ nói theo cay đắng  
Sẽ vượt khỏi hiểm nguy.*

-----

## PHẦN THỨ 9: PHÁ TRAI

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

### *Thứ 1: Trình bày duyên ý*

Thân vốn chỉ có vô thường, khổ hư vọng, nên phải nhớ nghĩ nguồn gốc của sanh già bệnh chết, ngày đêm đau buồn vì cái khổ, thương thay cho sự trôi nổi nhanh chóng theo dòng nước, nghĩ đến sự khốn khổ ấy thật là đáng sợ. Bởi do ruộng phước quá mỏng, nên tín thí khó tiêu, vì giữ giới không kiên cố. Những thứ ly bình dễ bể khó cầm, lại như sương móc, ta và người luôn nổi nhau ngày càng thêm gắn chặt, mà không sợ khổ lụy trong muôn kiếp, chỉ lo thân mạng này. Cho nên, ăn no ngủ nhiều thì có khác gì con chó chăm chỉ, phá giới ăn đêm chẳng khác nào loài quỷ. Vì thế thí chủ mất đi phước cúng dường, ruộng tốt của chúng tăng giảm dần.

### *Thứ 2: Duyên dẫn chứng*

Như trong kinh Xá Lợi Phất vấn dạy: Tôn giả Xá Lợi Phất thưa Đức Phật: Có những đàn việt xây dựng chùa chiền cho Tăng chúng, lại cúng dường nhiều tài vật, Tăng đời sau tương tự Tăng xuất gia, chẳng phải thời mà đến vị Tăng tri sự lấy thức ăn để ăn, người cho, người ăn bị tội gì? Người đàn việt kia được phước gì?

Đức Phật dạy: Người ăn chẳng phải thời là người phá giới, phạm tội ăn cắp. Người cho chẳng phải thời, cũng là người phá giới, phạm tội ăn cắp, trộm lấy vật của đàn việt là do không cho mà lấy, chẳng phải là ý của thí chủ, người thí chủ không có phước do mất vật, nhưng còn có phát tâm thiện đứng yên.

Tôn giả Xá Lợi Phất thưa: Đúng thời nhận (thức ăn), đúng thời ăn mà ăn không hết, đến khi chẳng phải thời lại ăn, hoặc là nhận đúng thời nhưng đến khi chẳng phải thời mới ăn thì lại có phước chăng?

Đức Phật dạy: Người ăn đúng thời là tịnh, là ruộng phước, tức là người xuất gia, ấy là Tăng già, là bạn lành của trời người, là thầy hướng dẫn của trời người. Người ăn bất tịnh giống như người phá giới, là kẻ ăn trộm trong đại kiếp, là ngựa quỷ bị tội ở trong lỗ hang sâu, ấy là do chẳng phải thời mà chuốc lấy. Ăn theo kiểu thời, phi thời liên cùng nhau gọi là người thối đạo, gọi là quỷ ác, là ba đường ác, là phá pháp khí, là người bị bệnh hủy, phá hoại quả thiện, cho phép khát thực

để tự sống. Cho nên, các Bà-la-môn không ăn phi thời, hàng ngoại đạo, phạm chí tà kiến cũng không ăn kiêu tà mạng, huống nữa là đệ tử của Ta, biết pháp, hành pháp mà lại làm như vậy chẳng? Nếu người như vậy thì chẳng phải là đệ tử của Ta, là trộm pháp lợi lạc của Ta. Người tham chấp không có pháp gọi là người trộm thức ăn phi pháp. Ăn trộm và nhận trộm thì cứ một viên trả lại một nhúm, một hạt muối phải trả lại, khi chết bị đọa địa ngục Tiêu tràng, nuốt hoàn sắt nóng. Từ địa ngục sanh trong loài khỉ vượn, ăn thức ăn bất tịnh, lại sanh làm loài chim ác, tiếng kêu khiến mọi người sợ hãi. Sau đó, sanh trong loài ngựa quý, trở lại chùa, ở trong nhà xí ăn phân dơ đến trăm ngàn vạn năm, sanh làm người nghèo cùng thấp hèn, xấu ác bị người bỏ, không thể nói hết, không thể tin nổi, không như trộm vật của một người, tội đó còn nhẹ hơn, chớ cướp đoạt ruộng phước của nhiều người thì sẽ đoạn dứt con đường xuất thế. Lại trong kinh Kiên đà quốc vương dạy: Khi Phật còn tại thế, bấy giờ có vua của một nước tên Kiên-đà phụng sự Bà-la-môn. Bà-la-môn sống ở trong núi, rất nhiều cây trái, có người đốn củi phá chặt những cây trái ấy. Bà-la-môn thấy vậy, liền đến chỗ vua thưa: Có người tàn phá cây cối của tôi, nhà vua nên giết trị. Nhà vua tôn trọng Bà-la-môn, không dám trái lời, liền giết chết người đó. Về sau thật lâu, có con trâu ăn lúa của người, người chủ bèn cửa một cái sừng, máu chảy, đau đầu không thể chịu nổi, trâu liền đến chỗ vua thưa: Tôi thật ra không có tình tội gì, chỉ ăn ít lúa của người này, mà nay tôi phải mất cái sừng. Người chủ cũng đến chỗ vua. Nhà vua hiểu lời nói của thú vật nên bảo với trâu: Ta phải giết ông chủ đó cho ông! Con trâu đáp: Hôm nay, tuy giết người này, nhưng cũng không làm cho ta hết đau đầu, chỉ cần lệnh: về sau không được cửa sừng ta như vậy nữa. Nhà vua cảm động, liền nhớ nghĩ: Sự việc Bà-la-môn trước đây chỉ vì ngồi dưới cây mà khiến ta phải giết người, không như con trâu này, việc của đạo này chẳng thoát khỏi sanh tử, vậy cái dụng của đạo này là gì? Liền đến chỗ Phật, nắm tóc sát đất đánh lễ Đức Phật, cầu xin thọ năm giới và mười giới Thập thiện.

Đức Phật bảo: Bồ thí, trì giới hiện tại được phước, nhân nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ thì ông được phước đức vô lượng. Về sau sanh lên cõi trời, nhà vua hoan hỷ liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Tôn giả A Nan bạch Phật: Nhà vua và con trâu xưa có nhân duyên gì?

Đức Phật dạy: Xưa kia, thời Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, vua và con trâu là anh em, cùng là Ưu-bà-tắc thọ trì trai giới, một ngày một

đêm. Nhà vua tinh tấn giữ giới, không dám biếng nhác, mạng chung được sanh lên cõi trời, khi thọ mạng ở cõi trời hết rồi lại sanh làm vua. Khi ấy, con trâu phạm giới ăn đêm, nên phải chịu tội báo, khi tội báo hết làm con trâu đến năm trăm đời, nhưng có biết đời trước nên có ý đến khai ngộ cho nhà vua. Con trâu sau bảy ngày mạng chung được sanh lên cõi trời. Đức Phật bảo: Bốn hàng đệ tử, thọ trì trai giới thì không được phạm.

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ dạy: Đức Phật ở trong Tinh-xá, vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, nước Xá-vệ thuyết pháp cho trời, rồng, quỷ. Ở phương Đông có nước Uất-đa-la-bà-đề, có Bà-la-môn và năm trăm người cùng muốn đi đến bên bờ sông Hằng, có ba miếu thì thần sông, hồ tắm rửa những cấu uế rồi rưới rượu lên thân hình để cầu thành tiên, như pháp Ni-kiền-tư. Do đằm quá lớn, lạc đường không thể vượt ra được, giữa đường thiếu lương thực, xa nhìn thấy có cây lớn, như có thần khí, tưởng có người ở liền chạy đến dưới cây, thì không thấy gì cả. Bà-la-môn khóc lớn tiếng: Đói khát, thân thể héo mòn chắc chết trong đằm này. Thần cây hiện thân, hỏi các Phạn-chí: Các đạo sĩ từ đâu đến, chừ muốn làm gì?

Các Bà-la-môn cùng trả lời: Muốn đến hồ thần tắm rửa, hy vọng thành tiên, ngày nay đói khát, khổ cực xin thương xót cứu giúp. Khi ấy thần cây đưa tay, trăm thứ thức ăn từ tay hiện ra rất nhiều, cung cấp cho thức ăn đều đầy đủ, thức ăn còn dư đủ cung cấp lương thực đi đường, đến từ biệt đi. Đến nơi thần thưa hỏi: Xưa Người đã tạo phước đức gì mà được hồ rộng lớn như vậy?

Vị thần nói: Xưa kia Ta ở trong nước Xá vệ, có vị quan lớn tên là Tu-đạt, cúng dường thức ăn cho Phật và chúng Tăng, đến chợ mua sữa mà không có bày ra, mượn sữa của ta, cùng đi đến Tinh-xá, trao đổi với ta, bảo đi tắm sạch sẽ để nghe pháp, tất cả đều vui mừng, vô cùng khen ngợi. Khi ấy, ta vâng giữ trai, tối trở về không ăn, người vợ thấy lạ, liền hỏi ta: Không hỏi nên giận sao? Ông nói, thấy Trưởng gia Tu-đạt ở trong vườn cúng dường Phật, mời Ta đến thọ trai, trai ấy là Bát quan. Người vợ giận dữ, la lớn: Cù-đàm làm loạn ở đời, vì sao lại chọn ông, ông bỏ đạo thì họa từ sự xích mích này, ép buộc bức bách quá không được, liền cùng ăn cơm. Vào đêm đó mạng sống ta kết thúc, đến nửa đêm thần sanh đến đây, vì sự ngu si của vợ đã phá giới pháp của ta, không bị dẫn dắt theo nghiệp ấy mà, đến đây sanh ở hồ này, làm thần cây ở đây. Nhờ phước đưa sữa mà trên tay hiện ra thức ăn. Nếu giữ giới pháp thì được sanh lên cõi trời, giàu có hưởng thọ tự nhiên, vì Phạm chí



nói kê:

*Đền thờ cúng trồng gốc họ  
Lâu ngày cành lá lớn  
Tổn gốc, khổ tan thân  
Giới độ tiên ở đời.*

Lại trong kinh Bách Duyệt dạy: Đức Phật ở trong vườn Kỳ-thọ-cấp-cô-độc nước Xá-vệ. Ở đó, đầu đêm có năm trăm Thiên tử, mang hương hoa, ánh sáng màu đỏ chiếu soi khắp rừng Kỳ-hoàn, đi đến chỗ Phật, lễ bái rồi lui ngồi. Đức Phật thuyết pháp cho họ, được đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi nhiều quanh Phật ba vòng trở về cung trời. Sáng hôm ấy, A Nan thưa hỏi: Do nhân duyên gì mà chư thiên đến?

Đức Phật bảo A Nan: Đức Phật Ca Diếp ở trong đời quá khứ có hai Bà-la-môn theo quốc vương đến chỗ Phật lễ bái thưa hỏi. Ở trong đó có một Ưu-bà-tắc khuyên hai Bà-la-môn đó cùng thọ giới pháp. Một người cầu sanh ở cõi trời, một người cầu làm vua ở cõi người. Thọ rồi, trở lại chỗ các Bà-la-môn tụ tập. Các Bà-la-môn nói: Hai ông đói khát hãy cùng ăn uống, ân cần khuyên bảo nhiều lần nên không từ chối được. Người cầu lên cõi trời thì ăn, vì phá giới nên không toại nguyện, sau đó mạng chung sanh trong loài rồng. Người thứ hai không ăn, được làm quốc vua. Do đời trước cùng nhau thọ giới, sanh ở hồ nước trong vườn quốc vương kia. Lúc ấy, người giữ vườn thường dâng cúng vua những quả dưa trong mỗi ngày. Trong hồ đó được một quả tốt đẹp, màu sắc hương vị rất ngon, người giữ vườn liền nói: Ta tụy ra vào, thường trông coi cửa ngõ, thấy rồi lại bỏ đi, liền nghĩ: Ta nên, cầm quả dưa này cho người, vừa nghĩ liền có. Người giữ cửa lại nghĩ: Ta tụy ra vào, lại vì người giúp việc thấy mà bỏ đi nên mang cho người giúp việc. Người giúp việc được rồi lại nghĩ: Phu nhân thường khen ngợi ta với quốc vương, ta nên cầm quả này dâng biểu phu nhân, nghĩ vậy, liền dâng phu nhân. Phu nhân được rồi liền dâng nhà vua. Nhà vua, liền ăn, cảm nhận mùi vị thơm ngon, liền hỏi phu nhân: Hôm nay, thiếp đi đâu mà được quả này? Phu nhân trình bày như thực: Ta đến người giúp việc mà được quả này. Cứ dò hỏi tuần tự như vậy đến người giữ vườn. Vua liền gọi đến, nói: Trong vườn của ta có quả ngon này sao không thấy dâng lên, lại đem cho người khác? Do đây, mà người giữ vườn trình bày tất cả. Vua không tin, mà ra lệnh: Từ hôm nay về sau phải thường dâng hiến quả này, nếu không thì giết người. Người giữ vườn trở lại trong vườn, khóc la rơi nước mắt, không thể kiềm chế được. Quả này không trông lấy đâu mà có, vua rồng liền nghe tiếng khóc lại hóa thành thân người đến hỏi:

Hôm nay, vì sao người khóc dữ vậy?

Người giữ vườn liền kể lại đầy đủ sự việc. Rong nghe xong, trở về trong hồ nước lấy quả dưa đẹp và ngon, để trên cái khay đưa đến cho người giữ vườn, nhưng bảo thừa lại: Người đem quả này dâng lên vua và thưa theo ý của ta: Ta và quốc vương khi Đức Phật còn tại thế, vốn là bạn thân, đều là Phạm Chí cùng thọ tám giới, đồng phát nguyện. Do vua thọ giới đầy đủ nên được làm quốc vương, ta giữ giới không đủ nên bị sanh trong loài rồng. Hôm nay, ta muốn trở lại phụng trì tu tập giới pháp, nguyện mong khi bỏ thân này được làm vua như người. Vì ta mà tìm cầu văn của giới bát quan trai đem đến cho ta. Nếu vua trái ý, ta sẽ dâng nước biển bờ cõi của ông thành một biển lớn. Người giữ vườn nhận khay trái cây đến dâng vua rồi thưa lại lời của rồng. Nhà vua nghe rồi, ăn chẳng ngon gì, sở dĩ như vậy là do lúc ấy cho đến thời không có danh hiệu Phật pháp, hưởng nữa là văn của giới Bát quan trai, nếu không được như vậy thì sợ sẽ gặp nguy hại, suy nghĩ về lý này mãi không dứt. Lúc ấy, vua nước đó có một đại thần tối cao có thể kính trọng, bảo đại thần: Rong đòi lấy văn của giới Bát quan trai nơi ta, mong khanh có được.

Đại thần thưa: Đời nay không có pháp, làm gì có được?

Nhà vua lại bảo: Nếu khanh không có, ta phải giết khanh.

Đại thần nghe vậy, liền lui về nhà, nét mặt khác thường, quá ưu sầu khổ não. Bấy giờ, người cha của đại thần tuổi lớn, người mẹ từ ngoài vào, thấy con mặt mày thay đổi khác thường, liền đến hỏi. Đại thần quay về cha mà nói về những sự lý uẩn khúc đó.

Người cha nói với con: Cột trụ nhà ta, cha thấy có ánh sáng, con hãy lấy nó thay đổi thử xem sao. Khi phá ra thì thấy được hai quyển kinh: Một quyển là Thập nhị nhân duyên và quyển thứ hai là văn Bát quan trai giới. Đại thần được kinh rồi rất vui mừng, đặt trên khay vàng hiến dâng lên vua. Nhà vua quá vui mừng (rong) không thể thắng mình, liền đưa văn kinh cho vua rồng. Vua rồng được rồi quá đổi vui mừng, mang châu báu dâng tặng nhà vua, xong đều trở về chỗ ở cùng với năm trăm rồng con, siêng năng ra sức tu tập giới Bát quan trai, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Đao lợi, đến cúng dường Ta là ánh sáng ấy vậy. Đức Phật bảo A Nan: Sẽ biết năm trăm rồng con tu tập giới Bát quan trai trước kia, nay chính là năm trăm thiên tử. Đức Phật nói, ấy là nhân duyên, có người chứng bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Khi nghe Đức Phật nói như vậy, đều hoan hỷ làm theo, nói kệ:

*Núi cao chín nhận nhọc còn thiếu  
 Xa giá ngàn dặm mệt đường dài  
 Sửa đổi làm thiện được tiếng thơm  
 Ái tình dễ nhiễm yêu vợ đẹp.  
 Năm phước chuyên tu đã không thành  
 Nếu ai giữ được Bát quan trai  
 Dằn vặt suốt đêm mong đợi gì  
 Sông ái đầy miên man sao qua được.*

## PHẦN THỨ 10: PHÚ QUÍ

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.

### ***Thứ 1: Trình bày về duyên ý***

Người tu tập điều thiện được an lạc, như bóng theo hình, người làm ác thì chịu khổ, như âm thanh dội lại tiếng vang. Người giàu có như ngọc châu, tôn quý thì được người kính trọng, tơ lụa năm màu làm vải, vàng bạc làm nhà, trước rồng thổi mây bay, trên phụng lượn trong không sanh gió, khắc chạm chuông ở cung điện lớn, hành lang dài rộng, nền nhà lát bằng ngọc quý, khuyên vàng đeo tai với dây chuyền ngọc xanh, thức ăn quý giá bày la liệt khắp bãi biển, đủ loại đựng thức ăn, mùi thơm thức ăn tỏa khắp. Ngồi ở phòng thanh nhã trong thiên đường cao, thêm rèm bằng ngọc quý, ống sáo, đàn nhị, gió thổi trong mát, đốt dầu thơm ánh sáng rực rỡ, tơ lụa năm màu rủ che kín, gấm lụa làm chăn để trải, mền bệnh bằng lông, đi bằng xe bốn ngựa nhanh như phi, xe chở hàng nhanh như điện chớp, ngàn xe, vạn người cỡi, thật quá nhiều. Nói tóm lược nhân duyên của phước, được như vậy là do đời trước đã từng cúng dường nên nhận được lợi ích quá nhiều.

### ***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Trong kinh Hiền ngu dạy: Xưa kia Đức Phật còn tại thế, nước Xá-vệ có một trưởng giả, giàu sang phú quý, sanh được một người con trai, diện mạo tuấn tú, ở đời hiếm có. Cha mẹ vui mừng, do vậy mà đặt tên là Đản-di-ly. Sau đó lớn lên, người cha qua đời, vua Ba-tư-nặc lấy chức tước của cha phong cho, khi nhận chức xong, nhà ông biến thành bảy

báu, các kho chứa đầy các thứ báu. Khi ấy, thái tử của vua tên Tỳ-lưu-ly bị bệnh sốt, các vị thầy thuốc khắp nơi bắm vua: Cần Ngư-đầu-chiên-đàn để bôi vào đầu thái tử, thì bệnh mới lành. Nhà vua lệnh tìm kiếm, nếu ai tìm được đúng một lạng thì thưởng một ngàn lượng vàng, thế mà chẳng có ai mang đến. Có người tâu vua, trong nhà trưởng giả Đàn-di-ly có rất nhiều, vua nghe xong liền đích thân đi đến, đứng trước cửa nhà trưởng giả đó, thấy cửa bên ngoài toàn là bạc trắng, liền bảo người giữ cửa vào báo tin. Khi ấy, người giữ cửa vào thưa với trưởng giả, vua Bạt-nặc đang đứng ngoài cửa. Trưởng giả nghe, liền ra nghinh đón, thỉnh vua vào, bên trong thấy có người nữ diện mạo xinh đẹp, ở đời không ai bằng, ngồi trên giường toàn bạc trắng, dệt bằng những sợi tơ bằng bạc trắng, xung quanh có mười người hầu. Vua hỏi: Đây là vợ của khanh há?

Trưởng giả thưa: Đây là người giữ cửa, người nữ đó là người mới báo tin. Nhà vua từ từ bước vào, toàn là lưu ly màu đỏ, trong cửa có một người nữ ngồi trên giường lưu ly, mặt mày xinh đẹp gấp bội người trước, xung quanh người hầu cũng bằng hai người trước. Vua lại đi tiếp đến cửa, thấy toàn bằng vàng ròng, trong cửa có một người nữ, diện mạo quá xinh đẹp gấp bội người trước, ngồi trên giường vàng ròng, được dệt bằng sợi tơ vàng ròng, người hầu xung quanh lại gấp bội trên. Nhà vua lại hỏi: Đây là vợ của người chăng?

Trưởng giả đáp: Đây là người hầu giữ cửa. Vua vào nhà thấy nền bằng lưu ly, giữa nhà có khắc chạm cả trăm loài thú, gió thổi hình họa hiện ra trên mặt đất, nhà vua thấy cho là nước nên không dám bước tới và nói: Nền toàn lưu ly, hoàn toàn không có đất, trước cung điện là biển.

Trưởng giả Di-ly tâu vua: Đất toàn lưu ly, chẳng phải là nước, Nhà vua liền cởi những vòng xuyên trên tay, thả lặn trên nền gặp tường mới dừng.

Vua biết chỗ, nên cùng vào trong cung điện bảy báu, thấy hoàng hậu đang ngồi giường lưu ly ở trên cung điện, lại mời vua ngồi giường bảy báu. Vua thấy hoàng hậu rơi nước mắt, liền hỏi: Vì sao thiếp không vui, lại rơi nước mắt?

Hoàng hậu thưa: Dạ rất vui! Vì hôm nay, nghe trên thân có mùi khói, cho nên nước mắt rơi.

Vua lại hỏi: Trong nhà không đốt lửa chăng?

Đáp: Thưa không.

Vua hỏi: Lấy gì làm thức ăn?

Hoàng hậu thưa: Khi nào cần ăn, thì tự nhiên có trăm thứ thức ăn.

Vua hỏi: Không cần ánh sáng chằng?

Hoàng hậu thưa: Dùng ngọc ma ni làm ánh sáng chiếu khắp trong nhà.

Lúc ấy, Đàn Di Ly quỳ xuống tâu vua: Vì sao thần Lao-khuất-tôn đến đây?

Vua Ba-tư-nặc kể lại toàn bộ sự việc. Trưởng giả nghe rồi liền dẫn vua vào xem khắp các kho, chứa đầy bảy báu, hương ngũ đầu không thể tính kể. Vua cần lấy hai lượng vàng để đưa cho người dẫn đường này. Vua nói lời rất cẩn trọng với người đó: Hôm nay, Đức Phật xuất hiện khanh có nghe không nghe chằng?

Đàn Di Ly thưa: Thế nào gọi là Phật?

Vua liền giảng rõ, Di Ly hoan hỷ liền đi đến chỗ Phật. Ngài thuyết giảng cho Di Ly, được đắc quả Tu-đà-hoàn, và đi xuất gia đắc quả A-la-hán, đầy đủ Ba minh, Sáu thông, Tám giải thoát.

A Nan thấy thế nên thưa Đức Phật: Đàn Di Ly này đời trước gieo trồng phước nghiệp gì mà được sanh trong loài người hưởng thọ quả báo của cõi trời, lại gặp Thế tôn xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo A Nan: Trải qua chín mươi một kiếp trong đời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi. Sau khi Ngài vào Niết bàn, ở trong đời tượng pháp, có năm Tỳ-kheo cùng nhau chọn một nơi thích hợp ở trong rừng để tinh tấn tu tập đạo. Liền bảo một Tỳ-kheo: Ở đây cách thành xa, đi khát thực khó khăn, thầy nên làm phước, mỗi mùa Hạ đi khát thực về thì cúng dường cho chúng tôi. Trong đó có Tỳ-kheo vào thành khuyến khích các đàn việt, hàng ngày thường làm thức ăn đưa đến cúng dường, bốn Tỳ-kheo kia thân tâm an ổn chuyên tu tập đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo bảo với vị này: Nhờ người mà chúng tôi tu tập an ổn, việc cần làm đã làm xong, người hãy nguyện gì?

Người ấy nghe rồi, vui mừng phát nguyện: Nguyện xin cho con đời vị lai, ở trong hàng trời người giàu sang phú quý, tự nhiên gặp Đức Phật xuất gia đắc đạo. Do công đức này từ nay về sau trải qua chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác. Ở trong hàng trời người luôn giàu có, cần gì tự nhiên có. Vì thế, hôm nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại kinh Hiền Ngu dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, ở nước Xá-vệ có một trưởng giả giàu có tiền của vô lượng không thể tính kể. Trưởng giả sanh được một người con trai, thân thể toàn vàng, đoan chánh tu-

ấn tú, ít ai bằng. Cha mẹ thấy vậy vui mừng vô cùng, vì thế đặt tên là Kim-thiên, ngày sanh kim thiên trong nhà tự nhiên hiện ra một giếng nước, chu vi tám xích, độ sâu cũng vậy. Ai lấy nước dùng cũng đều khen ngợi. Nếu ai cần y thì có y, cần thức ăn thì có thức ăn, tất cả vàng bạc cần đều có, cầu mong điều gì cũng đều như ý. Trải qua năm tháng, Kim thiên trưởng thành, tài nghệ uyên thâm. Người cha liền nghĩ: Con của ta dung mạo tuấn tú tuyệt vời, cần tìm người con gái, thân hình toàn vàng đẹp như con ta. Đang lúc tìm kiếm thì ở nước Xà-bà có một đại trưởng giả sanh một người con gái, tên Kim Quang Minh, đoan chánh lạ thường, thân hình toàn vàng ánh sáng chiếu rực rỡ. Khi mới sanh ra, tự nhiên có giếng nước, chu vi và độ sâu tám xích. Giếng nước hiện ra đủ thứ báu, những thứ cần dùng như y phục, thức ăn đều có đủ, vừa ý mọi người. Cha mẹ cô ta tự nghĩ: Con gái của mình xinh đẹp trong hàng trời người, cần tìm một hiền sĩ có thân vàng sáng rực như con ta để kết hôn. Danh tiếng cô ta vang xa. Sau đó, Kim Thiên cưới cô làm vợ. Về sau, Kim Thiên thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường thức ăn, thọ thực xong, Đức Phật liền thuyết pháp, vợ chồng và cha mẹ họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Vợ chồng Kim Thiên đều xin cha mẹ xuất gia, họ liền cho phép xuất gia, đều chứng quả A-la-hán, tất cả công đức đều được đầy đủ. A Nan thấy vậy, thưa Phật: Vợ chồng Kim Thiên đời trước gieo trồng phước gì mà được sanh vào nhà giàu có, thân thể toàn màu vàng, tự nhiên có giếng nước tám xích, hiện ra các vật?

Đức Phật dạy A Nan: Ở đời quá khứ chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, có các Tỳ-kheo đi đến thôn xóm giáo hoá, mọi người thấy chúng Tăng nên cùng tranh nhau cúng dường. Lúc đó, có một cặp vợ chồng, gia đình nghèo khổ vô cùng. Người chồng thấy người khác cúng dường chúng Tăng, sầu não than khóc với vợ, nước mắt rơi trên vợ, người vợ hỏi chồng: Vì sao chàng khóc?

Người chồng đáp: Cha ta thường cất chứa vô số của cải đầy kho, đến đời ta thì quá nghèo cùng khổ. Ngày xưa, tuy có của cải mà không cúng dường, nay gặp được chúng Tăng thì nghèo khổ không thể cúng dường. Thân trước không cúng dường nay bị túng thiếu, ngày nay không cúng dường thì mai sau cũng như vậy. Ta suy nghĩ việc này nên sầu não.

Người vợ nói: Chàng tuy có tâm Không mà không có tiền thì cũng có thể cúng dường.

Người chồng nói: Biết phải làm sao?

Người vợ đáp: Chàng hãy đến nhà cũ, tìm khắp ở đó thì có tài vật.

Người chồng liền đến tìm, được một đồng tiền vàng, mang đến vợ. Khi ấy, người vợ có tấm gương sáng, một cái bình đựng đầy nước sạch, bỏ đồng tiền vàng vào bình, lấy tấm kính che trên, hai vợ chồng mang đến cúng dường Tăng, phát nguyện rồi đi. Do công đức này mà từ nay về sau chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong hàng trời, người thường làm vợ chồng, thân hình toàn vàng, hưởng được an vui. Ngày nay, gặp ta xuất gia đắc đạo.

Kinh Xuất diệu dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế, trong nước Ca-tỳ-la-vệ có Mục-liên cùng với người em thật giàu có, tài sản châu báu rất nhiều chứa đầy kho, kẻ hầu người hạ không thể tính kể. Mục Kiền Liên đã nhiều lần đến nhà em bảo: Nghe em keo kiệt không thích cúng dường, Đức Phật từng thuyết giảng bố thí thì được vô số phước báo. Nếu ngày nay em bố thí thì được vô lượng phước báo. Người em nghe anh bảo liền mở kho bố thí, lại xây thêm kho mới để cất chứa phước báo, tuy chưa một ngày được nghe một câu kinh mà tài của khô hạn, kho tàng trống không, kho mới lại không có phước báo. Người em áo nã, nói với anh: Trước anh bảo, bố thí thì được phước báo lớn, nên không dám trái lời, người đến cầu xin, bố thí đã hết, kho tàng đã cạn kiệt mà kho mới thì không có phước báo, tướng Vô vi của anh thật đáng nghi ngờ chăng?

Người anh bảo: Thôi, thôi! Không nên nói điều này nữa, chớ để người ngoại đạo tà kiến nghe được sẽ nói lời hồ đồ. Nếu bảo phước đức có hình tướng thì cảnh giới hư không đâu dung chứa hết. Hôm nay anh sẽ phương tiện thị hiện phước báo vi diệu của em, liền dùng thần lực đưa tay tiếp đón người em đến cõi trời thứ sáu. Người em thấy cung điện làm bằng bảy báu, gió hương ao nước, kho lúa tràn đầy không thể tính kể, ngọc nữ thường đi theo, số chúng nhiều đến ngàn vạn, toàn là nữ.

Người em hỏi anh: Tại sao cung điện này cao lớn nguy nga như thế?

Mục Kiền Liên bảo em: Em tự đi mà hỏi.

Người em liền đi đến Thiên nữ hỏi: Vì sao cung điện này do bảy báu hợp thành, cao lớn nguy nga, lơ lửng ở giữa không trung vậy? Ai là người có phước đức để thọ hưởng phước báo ở đó?

Thiên nữ đáp: Trong cõi Diêm phù đề, nước Ca-tỳ-la, đệ tử thần thông của Phật Thích Ca Văn, tên Mục Kiền Liên có người em là đại trưởng giả, do có lòng tốt bố thí, sau sẽ sanh về cõi này, làm phu chủ của chúng tôi. Người em nghe vậy rất vui mừng, đến chỗ anh kể đầy

đủ sự việc đó.

Người anh bảo: Người bố thí có phước báo hay không? Người em xấu hổ, sám hối anh, trở về nhà chuyên tâm tu phước, sau đó mạng chung sanh lên cõi trời, thọ phước báo như thế.

Kinh Thọ Đề Già dạy: Khi Đức Phật còn tại thế có đại trưởng giả giàu có, tên là Thọ Đề Già có đầy các kho vàng bạc, rất nhiều người giúp việc, mọi mong cầu đều được, có một chiếc khăn tay màu trắng, treo ở bên bờ hồ, làm gió trời thổi đến trước cung điện vua, nhà vua ngồi đàm luận cùng các quần thần ở trong chúng hội, nhiều nghi vấn, đoán về sự việc kỳ lạ đó.

Các đại thần đều nói: Tương lai nước ta sẽ nhiều khăn trắng trời cho. Thọ Đề vẫn im lặng.

Nhà vua hỏi Thọ Đề: Các thần đều vui mừng, sao khanh không nói gì?

Thọ Đề tâu vua: Thần không dám đối ngài, đó chính là khăn trắng để lau cửa nhà thần, treo bên bờ hồ, bị gió trời thổi bay đến trước cung vua, nên không dám nói. Ngay sau đó mấy ngày thì có một cành hoa chín màu bằng vàng, lớn như bánh xe, rơi xuống trước cung điện nhà vua. Nhà vua lại tập họp các thần, hỏi đáp như trước.

Thọ-đề tâu vua: Thần không dám đối ngài, trong vườn phía sau nhà thần hoa héo, rụng tàn bị gió trời thổi bay đến trước cung vua, nên im lặng không dám nói.

Nhà vua nói Thọ Đề: Nhà khanh đúng vậy chăng! Hãy về nhà chuẩn bị mọi thứ, trăm sẽ ra lệnh hai mươi vạn người đến nhà khanh xem sao.

Thọ Đề tâu: Xin Đại vương tự nhiên đi, không cần chuẩn bị, giường chiếu nhà thần tự nhiên có không cần bày biện, thức ăn tự có không cần làm, tất cả tự nhiên mang đến không cần phải gọi, lại cũng tự nhiên đem đi không cần phải đợi từ chối. Nhà vua liền ra lệnh hai mươi vạn chúng đến nhà Thọ-đề vào cửa phía Nam, có một thanh niên tuần tú, dễ mến.

Nhà vua hỏi Thọ-đề: Là con trai của khanh chăng?

Thọ Đề tâu: Là người hầu giữ cửa của thần.

Lại vào trước một tí, đến bên trong cửa lầu, thấy có một cô gái nhan sắc tuyệt đẹp, da dẻ mịn màng, dễ thương.

Nhà vua lại hỏi Thọ-đề: Là con gái hay vợ của khanh?

Thọ Đề tâu: Là người hầu giữ cửa của thần.

Lại vào trong một tí, đến trước giảng đường, tường đều làm bằng



bạc trắng, đất bằng nước thủy tinh. Nhà vua thấy làm bằng nước do dự không dám đến trước, Thọ Đề liền dẫn vua đến trước, đưa lên giăng đường, ngồi trên giường vàng, các cây bằng ngọc. Vợ của Thọ Đề ngồi trên lầu bằng vàng bạc một trăm hai mươi tầng, có lọng rũ xuống, nàng vén lọng bước đến làm lễ vua, nước mắt chảy ra. Nhà vua hỏi Thọ-đề: Vợ khanh lễ ta sao lại chảy nước mắt?

Thọ Đề tâu: Thần không dám dối ngài, nàng ấy nghe thấy đại vương có mùi khói nên nước mắt chảy. Nhà vua bảo đốt tay người dân, đốt mật chừ hầu đốt cây sơn, thiên tử cháy đen cũng không có khói, sao nước mắt chảy ra được?

Thọ Đề tâu vua: Nhà thần có ánh sáng của ngọc minh nguyệt thần châu, treo trên giăng đường đêm ngày không khác, chẳng cần ánh sáng của lửa. Trước giăng đường Thọ Đề có lầu cao mười hai tầng, Thọ Đề dẫn vua lên xem khắp bốn bề, thì bỗng chốc đã trải qua một tháng.

Các đại thần Tâu vua: Nước có nhiều việc lớn, xin thỉnh ngài hồi cung. Nhà vua bảo còn một chút nữa, gắng thêm một lát, lại dạo xem vườn hồ bất chợt đã quá một tháng. Hỏi đáp cũng như trước. Trưởng giả Thọ Đề xuất ra bảy thứ báu toàn bằng tơ lụa năm màu mỏng mát, hai mươi vạn chúng, người ngựa đầy đủ, cùng trở lại nước.

Nhà vua hỏi các quần thần: Thọ Đề Già là dân của trăm, người nữ ở trong nhà còn hơn cả trăm, ta muốn phạt họ, có thể lấy người ấy không? Các đại thần đều tâu: Bất lấy được. Nhà vua dẫn bốn mươi vạn chúng đánh trống, khua chuông quanh nhà Thọ Đề, hơn cả trăm lần. Trong cửa phía Nam nhà Thọ Đề có một lực sĩ tay cầm chày vàng, khởi lên một phương kế: Bốn mươi vạn quân cả người và ngựa đều kéo đến đầy đủ, tay chân trong tư thế chiến, eo lưng rộng như A-bà, tướng mạo như kẻ say, đầu óc không ổn định, nếu ta không trừ thì sẽ khởi dậy. Lúc đó Thọ Đề cỡi xe mây lớn đến hỏi mọi người: Bị tổn hại khi nào mà nằm trên đất không dậy vậy?

Đáp: Đại vương lệnh đến phạt trưởng giả. Lực sĩ nắm lấy gậy vàng chỉ mới nghĩ cách thì bốn mươi vạn người, ngựa đều không thể đứng dậy.

Thọ Đề hỏi: Có muốn đứng dậy không?

Mọi người đều đáp: Muốn đứng dậy. Thọ Đề liền phóng năng lực thần thông, trong một lúc khiến bốn mươi vạn người và ngựa cùng đứng dậy trở về nước. Nhà vua liền gọi Thọ Đề-già đi cùng xe đến chỗ Đức Phật, thưa: Bạch Thế tôn! Con đời trước đã tạo công đức gì mà nay được quả báo như vậy?

Đức Phật bảo: Hãy lắng nghe! Trước kia có năm trăm Đồng duyên, ở trên núi hiểm trở, đi giữa đường gặp một đạo nhân mắc bệnh, bèn cho nhà cửa, lúa gạo lương thực, đèn đuốc. Bấy giờ, người cầu xin phát nguyện nhiều, trời tự nhiên cúng dường, từ trên không trung hạ xuống, biến thành mười tám thân, phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp trong thiên hạ. Lại phát nguyện làm Phật, phá tan núi Thiết vi, chảo nước sôi sanh ra hoa báu, địa ngục hiện Chiên đàn, ngọc quý thành Sa-môn, La sát ngồi tụng kinh, năm trăm thương nhân dâng cúng nhiều vật báu cho người bệnh. Do cúng dường vị Tăng bệnh, cầu xin trời ban cho, nên được phước báo ấy. Người bố thí kia là Thọ ĐỀ, vị Tăng bệnh là Ta, năm trăm thương nhân đều chứng quả A-la-hán.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, có trưởng giả trong thành Xá vệ, của cải vô lượng không thể tính kể, người vợ sanh một đứa con trai khôi ngô tuấn tú ở đời hiếm có. Ngày sanh trời mưa thật lớn, cha mẹ rất vui mừng, khắp trong đất nước đều nghe biết. Thầy xem tướng đoán là điềm lành, nên đặt tên là Dạ Xa Mật Đa, cậu bé không ham thích uống sữa, vì giữa răng tự nhiên sanh nước Tám công đức, cần dùng thì luôn tự đầy đủ mãi. Cậu bé dần dần lớn lên, gặp Phật xin xuất gia, đắc quả A-la-hán, chư thiên, người đời thấy vậy đều kính ngưỡng. Bấy giờ, chư Tỳ-kheo biết rồi, nên thỉnh Phật giảng về nhân duyên phước báo đời trước của việc đó.

Khi ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Trong đời Hiền kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Ca Diếp, ở thời pháp đó có trưởng giả tuổi đã quá cao, vào đạo xuất gia nên không thể siêng năng, lại lâm trọng bệnh. Thầy thuốc xem bệnh bảo phải uống lá tía tô, bệnh mới lành. Trưởng giả ấy liền theo lời thầy thuốc dùng lá tía tô uống, ngày đêm uống lá thuốc đó, phát sanh bệnh sốt, chạy tìm kiếm nước, nhưng bình nước đều sạch không, lại chạy đến sông suối tất cả đều khô cạn. Tìm khắp mọi nơi đều không có nước. Ông ta thâm oán trách mình, ở bên bờ sông kia cởi áo, cột vào cây, bỏ đó rồi trở lại đến khi mặt trời xuất hiện, với tâm trạng đó thưa thầy. Thầy nghe như vậy liền bảo: Nay, người gặp khổ này tướng trạng như ngọc quý, người hãy lấy bình nước của tôi, về trong Tăng để uống. Vị Sư già này liền nhận lời mang bình nước đi, nhưng nước lại khô cạn, nên rất lo sợ, cho là lúc mạng chung mình chắc chắn sẽ bị đọa vào ngọc quý, liền tìm đến chỗ Đức Phật trình bày đủ sự việc trên, cầu xin Ngài chỉ rõ. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Nay ở trong chúng Tăng, thầy phải làm cho nước thật trong sạch, có thể mới thoát khỏi thân ngọc quý. Nghe vậy rồi Tỳ-kheo rất vui mừng, thường ở trong Tăng làm cho nước

trong sạch, nên trải qua hai vạn năm mạng chung, sanh vào chỗ này, giữa răng (trong miệng) thường có nước Tám công đức trong sạch, tự nhiên đầy đủ, không thèm khát sữa, đến nay gặp Ta xuất gia, đặc đạo, Tỳ-kheo nghe vậy, hoan hỷ phụng hành.

Lại kinh A-dục-vương dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, cùng với chúng Tỳ-kheo và A-la-hán vây quanh, đi vào thành Vương-xá khát thực, đến giữa hẻm thấy hai trẻ nhỏ, tên là Đức Thắng và Vô Thắng, cười giỡn nô đùa, đắp đất làm thành, phòng nhà kho thóc lấy đất làm lương khô. Ở trong kho thóc, hai đứa trẻ này thấy tướng ánh sáng vàng tốt đẹp của Đức Phật chiếu khắp trong thành. Đức thắng vui mừng, lượm đất trong kho gọi là lương khô, hướng đến đức Thế tôn phát nguyện: Con sẽ đến cõi trời, thiết lễ cúng dường lớn, do căn lành công đức phát nguyện này nên sau khi Đức Phật nhập Niết bàn một trăm năm được làm Chuyển Luân vương, ở thành Hoa thị của trong cõi Diêm phù đề, trị vì chánh pháp ở đời, hiệu là A-thứ-dà-vương, phân chia Xá lợi, xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Nhà vua có đức tin, thường thỉnh chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, trong cung có một người hầu thật nghèo khổ, thấp hèn thấy vua làm phước, tự trách mình nói: Đời trước, nhà vua cúng dường Như Lai một thặng đất mà hôm nay được giàu sang, trong tương lai trở thành vị tối thắng, trước kia ta có tội nay làm kẻ nghèo hèn, lại nghèo cùng không thể tu phước, tương lai sẽ nghèo hèn, đâu có gì mong đợi? Suy nghĩ thế, nên khóc. Chúng Tăng dùng xong, người hầu quét dọn nhà vệ sinh nhặt được một đồng tiền đồng, lấy đồng tiền đó, hoan hỷ cúng dường chúng Tăng. Sau đó, chẳng bao lâu bệnh nặng qua đời, nhập vào thai phụ nhân của vua A-dục, đủ mười tháng sanh được một cô gái xinh đẹp ở đời ít ai sánh bằng. Tay phải của cô gái thường nắm chặt suốt năm năm. Phụ nhân thưa vua: Sao tay con gái của mình thường nắm lại. Nhà vua gọi đến bồng lên chân, xoa tay con, tay liền mở ra. Trong tay có đồng tiền vàng, lấy mãi không hết, chỉ trong một chốc đồng tiền vàng lại đầy, nhà vua lấy làm kỳ lạ, nên đến Thượng tọa Dạ Xà La Hán hỏi, người con gái đời trước đã làm phước đức gì mà nay trong tay thường có đồng tiền vàng, lấy mãi vẫn còn?

Thượng tọa trả lời: Người này, đời trước ở trong cung vua, quét dọn nhà vệ sinh, được đồng tiền đồng dâng cúng chúng Tăng, do căn lành này nên sanh làm con gái của ngài. Do xưa kia cúng dường chúng Tăng đồng tiền, nhờ căn lành đó mà trong tay thường có đồng tiền vàng, lấy mãi không hết. Kinh Tạp bảo tạng dạy: Xưa có nhiều chúng Tăng an trú trong núi Kỳ-xà-quật, nhân dân các nơi nghe tin nên thường dâng vật

cúng dường. Có một cô gái xin ăn nghèo khổ, thấy các trưởng giả đến núi dâng vật cúng dường, suy nghĩ: Đây chắc chắn là chúng Tăng, ta sẽ đến núi cầu xin. Thấy các trưởng giả dâng nhiều thức ăn cúng dường chúng Tăng, liền nghĩ: Những người đó đời trước đã tu phước đức, nên hôm nay được giàu sang, đời vị lai sẽ thành vị tối thắng. Đời trước ta không tu, nên đời nay bị nghèo khổ, nếu đời này không tu tập thì đời vị lai càng khổ hơn. Suy nghĩ như thế rồi than khóc, trước đã nhặt được hai đồng tiền trong nhà vệ sinh mà thường tiếc lẩn, cất giữ, để sau đi xin không được thì lấy tiền đó mua thức ăn, hôm nay ta nên lấy một phần để cúng dường chúng Tăng. Vài ngày sau không được thức ăn, bèn nghĩ đợi chúng Tăng dùng xong sẽ bố thí. Vị Tăng Duy na trước sắp chú nguyện thì vị Thượng tọa không nghe nên tự chú nguyện, lại lưu lại thức ăn để bố thí. Mọi người thấy Thượng tọa xin thức ăn nên ai cũng cho, người nữ vui mừng nói: Tôi được phước báo sẽ ra ngoài ăn, rồi đến dưới cây ăn xong, nằm nghỉ, cảm ứng của phước bố thí nên được đám mây màu vàng che chở. Đúng lúc ấy, phu nhân lớn nhất của vua nước đó đã mất được bảy ngày, nhà vua cho người dò xét ai có phước để làm phu nhân, liền cho thầy xem tướng đến dưới cây đó. Thấy người nữ này, thầy xem tướng bảo: Người nữ này thật nhiều phước đức đáng làm phu nhân, liền dùng hương thơm tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục phu nhân cho người nữ và mọi thứ tương xứng (của phu nhân), ngàn xe, vạn ngựa đưa đến chỗ vua, nhà vua nhìn thấy rất đổi vui mừng, lấy làm kính trọng. Về sau người nữ nghĩ: Sở dĩ hôm nay ta được phước này là do cúng dường chúng Tăng hai đồng tiền mà được như vậy, nên biết ta mang ân đức lớn của chúng Tăng, liền tâu vua: Trước đây, thiếp rất thấp hèn, được trăm cứu giúp làm quý phi, nguyện xin cho phép thiếp đến chúng Tăng báo ân. Nhà vua nghe vậy, liền đồng ý. Phu nhân chở cả xe thức ăn và trân báu đến chùa cúng dường. Thượng tọa liền bảo Duy na chú nguyện, mà không tự chú nguyện. Phu nhân nghĩ: Trước cúng dường hai đồng tiền được Thượng tọa chú nguyện, nay chở cả xe trân báu mà không được Thượng tọa chú nguyện. Các vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi cũng ngờ việc này. Bấy giờ, Thượng tọa nói với phu nhân: Tâm niệm cô ngờ nghĩ ta (tại sao) khi cúng dường hai đồng tiền thì ta chú nguyện, nay chở đến cả xe trân báu mà ta không chú nguyện? Trong pháp Phật của ta chỉ quý ở tấm lòng lành chứ không trọng ở vật quý báu. Trước kia, khi phu nhân cúng dường hai đồng tiền với tâm thiện rất thù thắng, còn hôm nay cúng dường trân báu cho ta, ta tự cao vì thế không chú nguyện. Các Tỳ-kheo trẻ cũng chớ nghi ngờ ta, các vị này nghe vậy xấu hổ nên đều

chứng quả Tu-đà-hoàn, phu nhân nghe pháp tầm quý cũng chứng quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Thuở xưa, trong nước Câu lưu sa có vua Ác sanh đến vườn giảng đường, thấy có con mèo vàng từ góc phía Đông bắc đi vào, rồi ra phía Tây nam. Lúc nhà vua thấy rồi liền bảo người đào thì được một bồn đồng và ba đấu chứa đầy đồng tiền vàng. Đào sâu dần lại có được một bồn, tuần tự như vậy được ba bồn, cứ mỗi lần thì được ba đấu đầy toàn tiền vàng. Lại đào sang phía bên cạnh khoảng năm dặm cứ trong mỗi bước đều được tiền đồng và đầy cả tiền vàng. Nhà vua tuy được tiền vàng nhưng rất lo sợ, không dám dùng, vì sự quái lạ đó, nhà vua liền đến chỗ Tôn giả Ca Chiên Đàm trình bày nhân duyên đó.

Tôn giả đáp vua: Do nhân đời trước của vua, nên được phước báo, chỉ tiêu dùng mà không khổ.

Nhà vua liền thỉnh hỏi nhân duyên kiếp trước.

Tôn giả đáp: Ở đời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, Phật pháp còn sót lại, có Tỳ-kheo ở đầu ngã tư đường bày tòa, đặt cái bát lên, rồi ở đó giáo hóa, dạy: Người nào mang tài vật đặt vào bát kiên cố này, khi đã vào bát này rồi thì dù các giặc nước, lửa lớn cũng không thể cướp được. Bấy giờ, có người nghèo cùng, trước do bán củi được ba đồng tiền, thấy vị Tăng giảng dạy như vậy nên vui vẻ cúng dường, liền cầm ba đồng tiền đó đặt vào bình bát, phát nguyện rồi đi. Đi về nhà cách khoảng năm dặm, mỗi bước đi đều vui vẻ, đến cửa nhà sắp vào nhà, lại từ xa hương đến Tăng chí tâm lễ bái, phát nguyện rồi vào nhà. Người nghèo cùng lúc đó, nay chính là nhà vua, do xưa kia vui vẻ cúng dường Tăng ba đồng tiền mà đời đời được tôn quý như vậy, ba bồn bằng đồng đầy đồng tiền vàng, do mỗi bước đi trong năm dặm đều hoan hỷ nên ở trong khoảng năm dặm đào đều có tiền vàng, vì nhân duyên này, nên khi bố thí cần phải chí tâm vui vẻ để dâng cúng, chớ có hối tiếc. Kệ:

*Giấu đá chấp chẳng chơn  
Ngoài bình tin là giả  
Cửa cao được ân huệ  
Dưới hiên lựa thổi vang  
Gió tế kết lo sợ  
Quan văn nơi vắng vẻ  
Chơn tướng đâu tỏ rõ  
Giàu sang chưa xả bỏ*

*Tiếng tốt lừa dối người  
 Cùng nhau mà rong ruổi  
 Rồi bỏ theo tiếng hay  
 Thiên nhiên loạn được hòa  
 Phú quý không tranh tiếng  
 Ân sủng, mạ nhục đối  
 Gió liền thổi tắt đèn  
 Bọt huyễn sao giữ trọn.*

## PHẦN THỨ 11: BẦN TIỆN

- Duyên thuật ý.
- Duyên dẫn chứng.
- Duyên tu đạt.
- Duyên bản nhi.
- Duyên bản nữ.

### *Thứ 1: Trình bày về duyên ý*

Bần tiện hay phú quý đều do nghiệp quá khứ, được mất có không đều do việc làm ngày xưa. Kinh dạy: Muốn biết nhân quá khứ thì nhìn quả hiện tại, muốn biết quả vị lai thì nhìn nhân hiện tại. Cho nên, nhà Nguyên hiến, nhà Kiềm Lâu là dân đen, dây dài, bồn cửa không ngăn được gió bụi, tất cả cửa nẻo đều không che được sương khói, hoặc lấy lúa dẻ, cỏ ngãi làm thức ăn, hoặc cắt lá sen để làm y áo, cuốn tròn xuyên qua hai tay, lấy dây gai khâu thành hai vạt áo, khoét lỗ ngang bụng; đời sống dựa vào thôn xóm, ngủ tạm nơi miếu thờ, đội mũ cả mười năm, thân mặc áo trăm miếng, quê hương không có ruộng nhà, Lạc dương lại thiếu người chủ, tùy thời mà phóng túng cho qua, lang thang qua ngày. Tuy giác linh có chút xấu hổ nhưng bị tàng lọng xấu xa che lấp, đến Bá-di cũng thấy hổ thẹn liền chịu khổ phương Đông, áo lông thiếu thốn, đâu thấy mùa Xuân tươi sáng, chốc lát cũng không. Vì sao trọn đời như vậy? Như thế là do ngày trước không bố thí thường tham lam cất giữ nên bị quả báo, chỉ một lát đã trắng tay, nên hành giả cần bố thí.

### *Thứ 2: Duyên dẫn chứng*

Như kinh Đăng chỉ dạy: Nên biết bản cùng sánh với địa ngục, mất đi chỗ nương tựa, thường thay đổi không nơi chốn, sâu khổ đốt cháy, lo lắng tiêu tụy, nhan sắc nhợt nhạt, đi đứng trở ngại, thân thể ốm gầy, đói khát tiêu mòn, mắt mờ, các đốt xương hiện rõ, phủ bởi lớp da mỏng, gân mạch nổi lên, đầu tóc rối bời, tay chân lèo khèo, nhan sắc bạc nhợt, da dẻ nứt nẻ, lại không có y áo, đến nơi phân dơ, bỏ tốt lấy xấu, thường chấp lấy tướng, vừa che được thân thì bày ra bốn chi, nằm trên đồng phân dơ, lại không có mềm cỏ, bà con thân quen nhìn chẳng biết, thảng ngày xin ăn như chim đói, liền tìm đến bạn thân, muốn xin thức ăn nhưng đến nơi thì người giữ cửa không cho vào, tìm mọi cách để vào nên bị nhục mạ. Chủ nhà đi ra muốn cầm roi đánh, liền cúi đầu khom lưng lễ bái tạ tội. Chủ nhà xem thường cũng không ngoái nhìn lại. Giả sử được vào nhà cũng bị khinh rẽ nghèo nàn không cho mở miệng, lại không có chỗ ngồi, cho ít thức ăn, cầm ném trong cái bị xin, ăn chẳng no đủ. Giả sử gặp hội lớn xin thức ăn dư, vì bị khinh thường nên không cho chỗ ngồi, lại bị đuổi đi. Người bản khổ như rừng cây không có hoa, ong bướm bỏ đi, như sương trên cỏ lá tự tiêu, hang sâu khô nước, chim nhạn không đến, rừng cây khô cháy, hươu nai không tìm về, do diệt hết mầm non không người cung cấp. Ngày nay nghèo khổ, nói đến giàu có chỉ là hư dối ai dám tin được, do ta nghèo cùng không có nơi hưởng đến, ví như đồng hoang vắng bị lửa đốt cháy, người không được vui. Như cây khô không có bóng râm không người dừng nghỉ, như mầm non bị sương làm hư hoại không thu hoạch được. Như rắn độc hại người đều nên xa lìa. Như các thức ăn độc hại người không thể nếm thử. Như giữa gò mã trống vắng không có người tìm đến. Như nhà vệ sinh chứa nhiều mùi hôi. Như người tài giỏi mà bị người cho là thấp kém. Tuy nói lời đúng mà người cho là sai trái. Nếu làm việc lành mà người cho là xấu xa. Nếu làm nhanh nhẹn lại chê trách là vội vàng. Nếu thông thả lại cho là chậm chạp. Giả sử khen người, người lại cho là nịnh hót mà khen. Nếu không khen thì lại cho là phỉ báng nói rằng, người nghèo khổ này thường nói không đúng. Nếu dạy cho người lại cho là nói hư dối. Nếu giảng thuyết rộng thì người cho là lảm lời. Nếu im lặng không nói thì lại cho là ích kỷ. Nếu nói thẳng thắn thì lại cho là hung ác. Nếu muốn vừa lòng người thì lại cho là dua nịnh. Nếu quá thân cận thì cho là hư huyễn. Nếu không thân cận thì cho là kiêu ngạo. Nếu thuận theo lời nói của người thì lại cho là dối trá để lấy lòng người. Nếu không thuận theo thì lại cho là cố chấp. Nếu chịu theo ý người thì bị chê là mềm yếu. Nếu không theo ý người thì lại cho rằng, người bản cùng này còn ỷ lại. Nếu

có một chút phóng khoáng thì lại cho người ngu si này không thức liêm. Nếu thu nhiếp lại thì cho không liêm chính mà dối gạt là đúng đắn. Nếu vui nhộn thì người lại cho là lừa dối, tương như cuồng loạn. Nếu quá ưu sầu thì lại cho là ngậm độc, nên tâm không vui vẻ. Nếu nghe hết những lời nói của người để giải thích cho người khác thì lại cho với lối sống lấy ngu dối trí mà nhẫn chịu nhiều xấu hổ. Nếu im lặng thì lại cho là cứng đầu không hiểu lý đạo. Nếu bàn luận sai lầm một tí lại cho là không tin tội phước. Nếu có mong cầu thì cho là vọng cầu bằng được không biết liêm sĩ. Nếu không có mong cầu lại cho là hiện tại không cầu mà muốn được nhiều về sau. Nếu dẫn trong kinh sách lại cho là dối làm thông minh. Nếu nói một mực lại cho là mông muội ngu độn. Nếu cùng bàn luận việc đúng đắn lại cho là nói gượng ép. Nếu riêng nói ở chỗ khuất lại cho là dèm pha nịnh hót. Nếu mặc y phục mới lại cho là mượn để trang sức. Nếu mặc y phục cũ lại cho là thô sơ mục nát. Nếu ăn nhiều cho rằng đói khát như quỷ thèm ăn. Nếu ăn ít lại cho là trong bụng đói thật mà dối là no đủ. Nếu nói kinh luận lại cho là muốn khoe sự hiểu biết của mình, chỉ là cái bóng ngu muội của ngã. Nếu không nói kinh luận lại cho là ngu si không biết như người chẵn bờ. Nếu một ngày chứng được Đạo tích lại cho là khoe khoan danh tiếng của mình. Nếu im lặng lại cho là tài của ít ỏi. Những người nghèo khổ này qua lại tới lui cho là cúi đầu cầu xin diệt hết lỗi lầm. Người giàu sang làm các việc phi pháp đều không có tội lỗi, bỏ của ra bố thí cho người nên được thành tựu. Người nghèo khổ như vác xác quỷ, tất cả đều lo sợ như gặp bệnh sắp chết, khó có thể chữa trị, như chỗ nguy hiểm hoang vắng hoàn toàn không có nước cỏ. Như bị rơi vào trong biển lớn chìm đắm vào dòng nước mạnh. Như người cổ họng bị nghẹt hơi thở không thoát ra. Như mắt bị màng che không biết nơi đến. Như nhiều thứ dơ bẩn khó rửa sạch. Như thù oán trong nhà, tuy cùng ăn mặc nhưng không bỏ tâm xấu ác. Như mùa hạ giếng khô, người vào trong liền bị ngạt thở. Như người vào bùn lầy không thể ra được. Như nước trên núi đổ xoáy mạnh làm cây cối trôi nổi, gãy hết cành lá. Người nghèo cũng như vậy, gặp nhiều gian nan. Người giàu sang có nhiều công đức tốt, tương mạo từ hòa, tâm cứu giúp rộng, lễ nghĩa càng nhiều, thường sanh trí dũng mãnh, sự nghiệp phát triển, bà con hòa thuận, tiếng lành vang xa. Do thấy những người này, nên tất cả người giàu sang phú quý ở đời không cất giữ mọi thứ thì được sự tôn quý của hàng trời người, không nên hưởng nhiều khoái lạc, phải biết bản cùng là tích tụ của nhiều khổ, muốn đoạn bản cùng không nên tham lam tiếc lẫn. Vì thế, trong kinh dạy: Người bản



cùng rất nhiều nỗi khổ.

### ***Thứ 3: Duyên Tu-đạt***

Như kinh Tạp bảo tạng dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, có trưởng giả Tu Đạt, cuối đời nghèo khổ sạch hết của cải, ra sức làm thuê cho người, được bốn thăng lúa, nấu cơm ăn. Lúc ấy, tôn giả A Na Luật đến khát thực, người vợ lấy bát đựng đầy cơm để cúng dường. Sau đó, những vị: Tu-bồ-đề, Mục Kiền Liên, Ca Diếp và Xá Lợi Phất tuần tự đến khát thực đều dâng cúng đầy bát, sau cùng là Đức Phật đến cũng cúng dường đầy bát. Trưởng giả về nhà, cùng vợ cúng dường thức ăn.

Cô ta nói: Nếu tôn giả A Na Luật đến, chàng có ăn một mình không, hay cúng dường tôn giả?

Trưởng giả Tu-đạt đáp: Dù mình có nhịn cũng phải cúng dường.

Người vợ nói: Nếu có những vị như Đức Phật: Ca Diếp, Đại Mục Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất đến thì người phải làm thế nào?

Trưởng giả đáp: Dù mình có nhịn ăn tất cả cũng phải cúng dường quý vị.

Người vợ nói: Ngày mai các bậc Thánh đến khát thực, tất cả thức ăn hiện có đều dâng cúng.

Trưởng giả vui mừng bảo vợ: Chúng ta hết tội lỗi sanh phước đức, liền mở kho lấy lúa, tơ lụa, đầy đủ tất cả thức ăn uống, lấy hết lại đây. Phước báo đó nói cũng không cùng tận.

Lại trong kinh Tạp Thí Dụ dạy: Xưa trưởng giả Tu-đạt, bảy đời nghèo khổ, đời sau cùng quá nghèo khổ, một đồng cũng không có. Về sau, trong phân mục nát có cây Chiên đàn mọc lên, đem ra chợ đổi được bốn thăng lúa, bảo người vợ nấu hết một thăng, còn ta đi hái rau lá rễ cây, trở về cùng ăn. Đức Phật biết tâm niệm Tu-đạt, nên độ cho khiến phước càng sanh trưởng, nấu cơm vừa chín, thì Đức Phật, Xá Lợi Phất, Mục Liên và Ca Diếp đến, rồi nấu hết cả bốn thăng lúa. Về sau, giàu có lại thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường tất cả, Đức Phật thuyết pháp cho họ được đắc đạo.

Kinh Bồ tát bốn hạnh dạy: Lúc đầu trưởng giả Tu Đạt nhà nghèo quần tủng thiếu, nhờ Đức Phật thuyết pháp nên thân tâm thanh tịnh, đắc quả A-na-hàm. Chỉ có năm đồng tiền vàng, nhưng cứ một ngày dâng cúng Đức Phật một đồng tiền, một đồng cúng Pháp, một đồng cúng dường chúng Tăng, một đồng để ăn còn một đồng làm vốn. Hàng ngày như vậy, luôn có một đồng tiền không bao giờ hết. Muốn thọ năm giới tâm dục đoạn trừ, vợ và con gái tùy thuận sự ưa thích của cha. Có người

vợ rang gạo làm bánh, do quên nên đốt nhiều lửa thiêu cháy người và súc vật. Vua Ba-tư-nạp bảo các quan thần chế pháp luật: Từ nay về sau ban đêm không được đốt đèn, đuốc, nếu ai phạm thì phạt ngàn lạng vàng. Lúc ấy, Tu Đạt đã đắc đạo, trong nhà đêm ngày ngồi thiền nhập định, nửa đêm gà gáy đốt đèn ngồi thiền. Có người dò xét bắt được, liền trình vua, nên bị hình phạt thay xe chở hàng.

Tu Đạt thưa vua: Hôm nay, tôi nghèo khổ, không có một trăm tiền để mua, phải lấy gì để mua. Vua giận dữ, sai người nhốt vào trong ngục giao Tu Đạt cho người cai ngục trông giữ. Tứ Thiên vương biết vậy, đầu đêm Tứ thiên vương hạ xuống, bảo Tu Đạt: Ta cho ngươi tiền, mua xe thay hình phạt thì sẽ được ra khỏi. Tu Đạt thuyết kinh cho Tứ thiên vương, xong rồi bỏ đi. Nửa đêm có Thiên đế lại đến, nghe Tu Đạt thuyết pháp, xong lại bỏ đi. Đến cuối đêm, Phạm thiên lại xuống nghe thuyết pháp, xong cũng bỏ đi. Bấy giờ, ban đêm vua ngự trên lầu cao nhìn xuống, thấy trong ngục có ánh sáng tỏa ra. Sáng mai, vua liền bảo người đến hỏi Tu Đạt: Đã ngồi trong ngục nóng bức mà không biết xấu hổ lại còn đốt lửa.

Tu Đạt thưa: Tôi không đốt lửa, nếu đốt lửa thì phải có tro khói.

Lại nói: Đầu đêm có bốn ngọn lửa, giữa đêm có một ngọn lửa lớn gấp bội, cuối đêm lại có ngọn lửa lớn gấp bội trước. Nếu nói không đốt lửa thì những gì?

Tu Đạt trả lời: Đó chẳng phải là lửa, đầu đêm Tứ thiên vương đến gặp ta, giữa đêm Thiên đế đến gặp ta và cuối đêm Phạm thiên lại đến gặp ta, ấy là ánh sáng của các vị thiên thần chiếu soi, chẳng phải là lửa. Người hầu nghe rồi, về tâu vua, nghe vậy vua hoảng sợ, lông tóc dựng ngược. Vua nói: Phước đức của người này thù thắng mới như vậy. Hôm nay, sao ta lại hủy nhục họ, bèn ra lệnh người: Hãy phóng thả cho đi ngay chớ có chùng chờ, Tu Đạt ra khỏi liền đến chỗ Đức Phật, lễ bái nghe pháp. Vua Ba-tư-nạp chuẩn bị xe ngựa, đến chỗ Phật. Mọi người thấy vua đều tránh xa, chỉ có Tu Đạt tâm còn trong pháp vị, thấy vua không đứng dậy, nên vua càng giận dữ hơn, cho rằng, người này là dân của ta, mà khinh mạn, thấy lại không đứng dậy, giận mãi trong lòng. Đức Phật biết tâm vua, nên ngừng lại không thuyết pháp.

Vua thưa Phật: Nguyên xin thuyết giảng kinh pháp.

Đức Phật bảo vua: Hôm nay chẳng phải thời. Vì sao lại sanh sân giận người này, cứ để trong lòng không cởi mở, tham đắm sắc đẹp phái nữ, tự cao, tự đại không cung kính? Tâm của bệ hạ cấu uế, nghe pháp vi diệu mà không thông hiểu. Vì thế, hôm nay chẳng đúng thời thuyết

pháp cho ngài. Vua nghe Đức Phật dạy, tự mình suy nghĩ: Ngồi với người này, khiến cho ta nay giảm bớt hai việc, lại sanh sân giận nên không được nghe pháp, lễ Phật lui ra. Vua đi ra ngoài, lệnh cho thị vệ: Nếu thấy người đó (Tu Đạt) đi ra thì chặt lấy đầu. Nói xong, bốn bên có ngay sư tử, hổ lang, cầm thú độc hại đều đến vây quanh vua. Nhà vua thấy hoảng sợ bèn đến chỗ Phật.

Đức Phật hỏi: Sao đại vương trở lại?

Vua thưa Phật: Trẫm thấy sợ nên trở lui.

Đức Phật bảo vua: Có thấy người đó không?

Vua đáp: Thưa không thấy.

Đức Phật dạy: Người này đã chứng quả A-na-hàm. Do vua khởi ý xấu với người ấy, nên bị như vậy. Nếu không trở lại thì nhà vua chắc chắn sẽ bị nguy hiểm, không ai cứu giúp. Vua nghe Đức Phật dạy, hoảng sợ hơn, hướng về Tu Đạt lễ bái sám hối, da cừu trải khắp, vua đứng trước Tu Đạt nói: Đây là dân của ta, luôn chịu nhần nhục, thật là khó.

Tu Đạt lại nói: Tôi nghèo cùng, thực hành bố thí cũng thật là khó làm. Thi-la-sư-chất làm nước bình an, bị giặc bắt đi, khi mạng chung không phạm giới nói dối, giặc liền thả ông, thật là việc khó làm. Lại có vị trời Thi-ca-lê nằm trên lầu cao có một vị thiên nữ đến, do giữ gìn cấm giới mà không thọ nhận cô ta, đây cũng là việc khó. Đức Phật ở trước bốn người này, nói kệ:

*Bần cùng bố thí khó.*

*Giàu sang nhẫn nhịn khó.*

*Gặp nạn giữ giới khó.*

*Trai trẻ bỏ dục khó.*

Đức Phật nói kệ xong, vua và quần thần đều rất vui mừng, làm lễ lui ra.

#### ***Thứ 4: Duyên bản nhĩ***

Như kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử dạy: Khi Biện Ý, con trưởng giả làm lễ, chấp tay thưa Phật: Nguyện xin Thế tôn và chúng Tăng sáng mai đến những nhà nghèo chúng con thọ thực. Đức Phật im lặng nhận lời. Những người con trưởng giả lễ Phật ra về, đến nhà chuẩn bị đầy đủ. Ngày mai Thế tôn và chúng Tăng đến chỗ thì ngồi với uy mạo tôn nghiêm. Biện Ý thưa ba mẹ và bà con đánh lễ Đức Phật, mỗi người cùng đứng hầu. Biện Ý rót nước, Kính-ý thì dâng thức ăn. Khi ăn chưa xong, có một đứa trẻ đến ngồi trước xin ăn. Đức Phật chưa chú nguyện nên

không dám cho, đứa bé không được gì giận dữ bỏ đi, sanh suy nghĩ xấu: Các Sa-môn này buông lung, mê muội, chẳng phải là đạo, người nghèo đi xin, vô tâm thấy mà không cho, trưởng giả bị mê hoặc, dùng thức ăn ngon cho họ mà không có tâm thương xót. Nếu ta làm vua sẽ dùng bánh xe sắt nghiền nát đầu, nói rồi bỏ đi. Đức Phật thọ thực xong, lại có đứa trẻ vào xin ăn, mọi người trong chúng đều cho, được nhiều thức ăn vui mừng bỏ đi, liền nghĩ: Các Sa-môn này đều có lòng từ, lân mẫn người đói khát mà cho ta thức ăn no đủ, được cứu giúp nhiều ngày. Lành thay! Trưởng giả vừa cúng dường các bậc Đại sĩ, phước này vô lượng. Nếu ta làm vua thì nên cúng dường Đức Phật và chúng Tăng suốt bảy ngày. Do không có phước báo nên ngày nay bị đói khát, nói rồi bỏ đi. Đức Phật thọ trai xong, thuyết pháp rồi trở về tinh xá. Ngài bảo A Nan: Từ nay về sau, thọ thực xong nên đưa dần thức ăn xuống, thường phải làm như vậy. Khi ấy, có hai trẻ nhỏ đi xin lần lượt đến xin trong nước khác, nằm trên bãi cỏ bên vệ đường. Bấy giờ vua nước đó, bỗng nhiên băng hà, sau không có người kế vị. Lúc đó, thầy tướng của nước biết rõ tướng pháp, theo Sấm thư ký ghi: Sẽ có một người nghèo khổ xứng đáng làm vua. Trăm quan thân, ngàn xe, vạn kỵ sĩ đi đến biên giới của đất nước, nghĩ ai sẽ làm vua đây! Khi nhìn lại trong đám cỏ rậm bên vệ đường, phía trên có đám mây che. Thầy xem tướng đoán: Trong đó có thần nhân, tức là thấy đứa trẻ ăn xin tướng xứng đáng làm vua. Các quan lễ bái, chuyện trò đều bảo là thần. Đứa bé xin ăn hốt hoảng, tự nhủ ta là kẻ thấp hèn chẳng phải dòng họ vua, tất cả đều nói: Có tướng làm vua mà chưa đủ oai lực, liền dùng hương hoa tắm rửa, mặc y phục của vua, có tướng sáng sủa trang nghiêm, nhiều tiếng khen tốt lành, xe trước sau dẫn đường về nước. Khi đó, trẻ xin ăn có tâm niệm xấu đang ngủ quên trong bãi cỏ, bị xe cán mất đầu. Vua về đến nước, âm dương hòa hợp, bốn mùa thịnh vượng, cung cấp đầy đủ lương thực, nhân dân an vui khen ngợi đức của vua.

Bấy giờ, vua nghĩ: Xưa ta là người bần cùng, do duyên gì mà được làm vua của một nước. Ngày xưa xin ăn nhờ ân của Phật nên được bữa cơm no, sanh lòng tốt nghĩ: Nếu làm vua thì sẽ cúng dường suốt bảy ngày. Nhờ ân đức của Phật nên ngày nay được phước báo này, liền triệu tập quan thân, đi đến nước Xá vệ đốt hương làm lễ, bảo người hầu đến cung thỉnh Đức Phật thưa: Nhờ ân đức của Thế tôn mà con được làm vua, nguyện xin nhận lời đến giáo hóa nước của con để người mê mờ được sự dạy dỗ. Khi ấy, Đức Phật bảo các đệ tử nên nhận lời thỉnh của vua. Đức Phật cùng vô số đệ tử đến nước đó, vua ra nghinh đón, lễ bái

Đức Phật vào cung thọ trai, thọ trai xong lại thỉnh Ngài thuyết giảng về nhân duyên. Thế tôn giảng thuyết đầy đủ rõ ràng như nhân duyên trước, do khởi tâm lành nên ngày nay làm vua. Lúc đó, có trẻ khởi ý xấu, chẳng chánh trực, bị xe nghiền nát đầu, chết rồi, sau đó đọa vào địa ngục, bị xe lửa thiêu cháy qua ức kiếp mới ra khỏi. Hôm nay, vua thỉnh Phật cúng dường thì phước báo thật sâu dày, đời đời hưởng thọ phước đức không bao giờ hết. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Tâm người là gốc độc  
Miệng chính là cửa họa  
Tâm nghĩ miệng phát ra  
Thân nhận tai ương đó.  
Người không nghĩ thiện ác  
Thân làm chịu hoạn nạn  
Ý muốn hại người khác  
Ngủ quên xe nghiền đầu.  
Lấy pháp làm cam lồ  
Khiến người sanh cõi trời  
Tâm nghĩ miệng phát ra  
Thân nhận phước đức đó.  
Người có nghĩ thiện ác  
Vốn tự làm thân an  
Nhớ nghĩ tất cả thiện  
Như vua được thành trời.*

Vua nước đó lúc nghe được Phật thuyết kinh rất vui mừng, quan thần và nhân dân đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Kinh Hiền Ngu dạy: Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử. Trong nước có năm trăm trẻ nhỏ xin ăn, thường theo Như Lai và chúng Tăng cầu xin để sinh sống, trong lòng nhàm chán, cầu xin xuất gia, nên cùng bạch Phật: Như Lai xuất hiện ở đời thật khó gặp được, chúng con là kẻ thấp kém mong được Ngài cứu giúp thân mạng, chúng con muốn xuất gia, không biết Ngài có cho phép không? Đức Phật bảo những trẻ ăn xin: Pháp của Ta thanh tịnh không có sang giàu, thấp kém. Ví như nước sạch tẩy rửa các thứ bất tịnh, hoặc giàu hoặc nghèo, nước có thể tẩy sạch tất cả, không gì mà không được sạch. Như lửa lớn đến đâu thì bị thiêu đốt. Như hư không, giàu nghèo sang hèn đều có trong đó, chỉ do phóng túng theo tâm ý. Những trẻ xin nghe vậy đều vui mừng, lòng tin càng lớn, quay về thành tâm xuất gia, được Đức Phật thọ ký “Thiện lai”! Đầy đủ hình

tướng Sa-môn, tóc tự rơi rụng, pháp y tự khoát vào thân, được Đức Phật thuyết pháp đắc quả A-la-hán. Ở trong nước đó có các trưởng giả giàu sang nghe những trẻ xin ăn được độ đều sanh tâm kiêu mạn, vì sao Như Lai lại cho phép những trẻ thấp kém ở trong chúng Tăng, chúng ta làm phước nên thỉnh Phật, chúng Tăng thọ thực mà cho những trẻ thấp kém ngồi trên giường của ta, cầm các thứ ăn uống. Bấy giờ, thái tử Kỳ Đà bảo người thỉnh Phật và chúng Tăng thưa: Nguyện xin Thế tôn và chúng Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực, con không thỉnh những trẻ ăn xin, cần thận chớ đến. Ngày mai, đến giờ thọ trai, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo xin ăn: Ta nhận thọ thỉnh người khác, các thầy ngoại lệ, nay đến nhà đàn việt tự lấy gạo nấu chín rồi về nhà tùy đó mà ăn cơm. Các Tỳ-kheo vâng lời, dùng thần túc đến thế giới bên kia, mỗi vị tự lấy bát đựng đầy rồi trở về, giữ gìn oai nghi, nường theo hư không đi, như chim nhận bay đến an tọa ở nhà Kỳ Đà, tuần tự ăn. Thái tử thấy chúng Tỳ-kheo đi đứng trong oai nghi, thần túc phước đức, tâm cung kính vui mừng, tán thán là việc hiếm có, liền thưa Phật: Con không biết được, những vị Hiền Thánh này từ đâu mà đến. Đức Phật bảo Kỳ Đà: Muốn biết chẳng! Đó là những vị hôm qua người không thỉnh. Đức Phật hướng về Kỳ Đà thuyết giảng nhân duyên đó. Lúc đó, thái tử nghe giảng rồi thật xấu hổ: Ta mê mờ nên che mắt không phân biệt sáng tối, không thấu rõ những người này đã làm những việc thiện gì mà nay gặp Thế tôn được thắm nhuần, lại tạo lỗi lầm gì mà đi xin để sinh sống. Đức Phật bảo thái tử Kỳ Đà: Đời quá khứ rất lâu, ở nước lớn Ba-la-nại, có ngọn núi gọi là Lợi sư. Ngày xưa, chư Phật phần nhiều an trú trong đó, hoặc lúc không có Phật cũng có hai ngàn vị Bích-chi-phật thường đi đến đó. Có trưởng giả Tán-đà-ninh, gặp trời hạn mất mùa, nhà đó thật giàu có, liền bảo người giữ kho xem trong kho của ta nay còn lúa gạo được bao nhiêu, ta muốn thỉnh Đại sĩ, không biết có đủ không? Người giữ kho thưa: Còn rất nhiều đủ để cúng dường. Liền thỉnh hai ngàn vị Bích-chi cúng dâng thức ăn, bảo năm trăm người hầu chuẩn bị thức ăn. Bấy giờ, những người hầu tâm chán nản nghĩ: Chúng ta sở dĩ khổ sở là đều do những đứa trẻ xin ăn này. Khi ấy, trưởng giả thường sai người biết thời đến thưa thỉnh. Người đó nuôi một con chó con, mỗi ngày thường dẫn nó đi, đúng ngày đó người hầu quên đi thỉnh, chó con lại đi một mình đến chỗ thường thỉnh, hướng về các Đại sĩ sủa lớn, những vị Bích-chi nghe tiếng sủa của chó biết giờ thọ trai, liền đến an tọa như pháp thọ thực, nhân đây bảo trưởng giả: Hôm nay, trời sẽ mưa, có thể gieo giống. Trưởng giả nghe theo lời nói đó, gieo các giống, đều biến thành bầu,

trưởng giả thấy lạ, theo thời tiết tưới nước, sau thời gian chín thu hoạch liền mở ra xem, tùy mong cầu mà có các vật, đều trở thành tốt đẹp, lúa tẻ đầy trong đó. Trưởng giả vui mừng, trong nhà đầy đủ, lại phân chia cho bà con, cả nước đều nhờ ân đó. Khi ấy, năm trăm người giúp làm thức ăn nghĩ: Trưởng giả thật được phước báo, đây là nhờ ân của Đại sĩ, chúng ta sao lại nói xấu họ! Cho nên, phải đến các vị Đại sĩ cầu xin sám hối, phát nguyện: Nguyện cho chúng con ở đời vị lai sẽ gặp ân của Hiền Thánh để giải thoát. Do đây, trong năm trăm đời thường làm trẻ đi xin. Nhờ sám hối và phát nguyện nên ngày nay gặp Ta cứu độ. Thái tử nên biết, trưởng giả Tán-đà-ninh giàu có lúc đó là Ta, người giữ kho ấy là Tu Đạt, người mỗi ngày đến thưa thỉnh nay là vua Ưu-chơn, năm trăm người làm thức ăn nay chính là A-la-hán. Bấy giờ, Kỳ Đà và chúng Tăng thấy thần biến ấy đều đắc bốn quả.

### ***Thứ 5: Duyên tùy hỷ***

Kinh Hiền ngu dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế, tôn giả Ca Chiên Diên ở nước A bát đề. Trong nước đó có một trưởng giả của cải giàu sang, có người hầu nhỏ bị phạm tội, trưởng giả dùng roi gậy ngày đêm đánh đập rồi đuổi đi, áo không che kín thân, cơm không đầy miệng. Đến lúc già, người nghèo khổ suy nghĩ: Chết cũng không được, liền cầm bình đến sông lấy nước, lại khóc la lên.

Khi ấy tôn giả, nghe tiếng khóc đi đến chỗ ấy, hỏi và biết được nguyên nhân, nên bảo: Người nghèo khổ sao không bán nó đi?

Người già thưa: Ai mà mua cái bần khổ!

Tôn giả Ca-chiên-diên bảo: Thật ra bần khổ có thể bán.

Người già thưa: Bần khổ có thể bán được chăng? Làm sao bán được?

Tôn giả Ca-chiên-diên bảo: Nếu người bán thì theo lời dạy của ta nên tẩy rửa, rồi đem bố thí.

Người già thưa tôn giả: Hôm nay, con nghèo khổ thân trên không áo che, gắng hết sức mới che kín. Chỉ có cái bình này là của nhà giàu cho, phải lấy gì để bố thí? Hãy cầm bát bố thí.

Khi ấy tôn giả bảo: Hãy lấy nước bố thí. Người nhận chú nguyện rồi truyền giới cho, dạy nhớ niệm Phật, lại hỏi: Người ở đâu?

Người già thưa tôn giả: Không cố định chỗ nào, tùy theo sự nấu nướng, mà ở đó qua đêm, hoặc ở nơi đóng phân.

Tôn giả bảo: Người tốt, có tâm cung kính, hãy đến xem chỗ nằm trong nhà trưởng giả rồi lên mở cửa vào, bên trong cửa có trải tọa cụ

bằng cỏ, rồi ngồi suy nghĩ quán tưởng về Đức Phật. Người già vâng lời, đêm đến ngồi trong cửa, liền mạng chung, sanh lên cõi trời Đao lợi. Sáng sớm, trưởng giả thấy vậy sân giận nói: Người hầu này không cho ở trong nhà sao bỗng nhiên lại chết ở đây? Trưởng giả sai người lấy cỏ cột chân, mang bỏ trong rừng lạnh. Người hầu già này được sanh lên cõi trời cùng với năm trăm thiên tử làm quyến thuộc, liền dùng thiên nhân quán thấy nhân duyên xưa mình sanh lên cõi trời, nên dẫn năm trăm thiên tử đều mang hương hoa đến trong rừng lạnh, đốt hương tung hoa cúng dường xác chết, phóng ánh sáng cõi trời chiếu khắp thôn xóm rừng cây. Trưởng lão thấy điều kỳ lạ, liền bảo mọi người gần xa vào rừng nhìn xem, nói: Người hầu này chết rồi sao cúng dường? Thiên tử đáp: Đây là thân của ta, từ đó nói về nhân duyên sanh lên cõi trời. Sau đó cùng nhau đến chỗ tôn giả Ca Chiên Diên, lễ bái cúng dường, nhân đó mà thuyết pháp, năm trăm thiên tử đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi được quả rồi lại trở về cõi trời. Vì nhân duyên này, người trí cần phải học tập như vậy.

Kinh Phật thuyết Ma Ha Ca Diếp độ bản mẫu dạy: Khi Đức Phật ở nước Xá vệ, Ma Ha Ca Diếp một mình đi giáo hóa đến thành Vương xá, thường thực hành hạnh thương yêu chúng sanh, bỏ nhà giàu chỉ khát nhà nghèo. Khi khát thực, nhập trước tiên thiên định để biết người ở đâu ta nên làm phước, liền vào thành lớn Vương xá, thấy một người mồ côi mẹ thật thống khổ, trong đồng phân dơ ở ngã tư đường, đào đồng phân để làm hang, già yếu bệnh tật đều nằm trong đó, cô đơn lạnh lẽo không có cơ áo. Tôn giả Ca Diếp đến hang cho người mồ côi phen tre để che thân. Tôn giả Ca Diếp nhập định, biết người này đời trước không gieo trồng phước đức, nên đời nay nghèo khổ và rõ biết người này sắp đến ngày mạng chung, nếu ta không độ thì mãi mãi không có phước đức, bị mồ côi đói khát, nhờ áo xanh của trưởng giả làm sạch mùi nước gạo khó nói được. Từ đó bà già đi xin ăn, lấy gói làm đồ đựng đầy mang hai bên. Tôn giả Ca Diếp đến nơi đó, khát thực chú nguyện, và nói cúng dường cho ta nhiều hay ít đều có phước lớn. Người già nói kệ:

*Toàn thân bị bệnh tật  
 Nghèo cùng đâu thể nói  
 Khổ nhất một trong nước  
 Cơ áo không kín thân.  
 Đời không người từ tâm  
 Thấy vẫn còn thương xót  
 Sao gọi là thương yêu*



Không biết người chết này.  
 Khổ lạnh ở trong đời  
 Thân này đều gánh chịu  
 Nguyện xin thương xót cho  
 Không có người thương tiếc.  
 Tôn giả Ma Ha Ca Diếp nói kệ đáp:  
 Phật-tôn kính ba cõi  
 Ta đều ở trong đó  
 Muốn trừ khổ cho người  
 Nên đến nghèo khát thực.  
 Nếu bớt phần nuôi thân  
 Chia châu báu cúng dường  
 Lâu ngày được giải thoát  
 Đời sau được sang giàu.

Người già nghe kệ rất vui mừng, nhớ mùi nước gạo ngày trước đã dùng để cúng dường, chắc rằng không uống được, nên ở xa thưa Tôn giả Ca Diếp: Nếu Ngài thương xót con thì thọ nhận chăng? Tôn giả Ca Diếp trả lời: Tốt lắm! Người già trong hang bò đến lấy, vì lỏa thân nên không mang ra được, nghiêng mình cúi xuống, đưa ra đặt trên mảnh tre, tôn giả Ca Diếp liền nhận và chú nguyện, nhờ phước đó mà được an ổn. Tôn giả Ca Diếp nghĩ: Nếu ta bỏ đi, mang thức ăn đến nơi khác ăn thì bà già không tin, nghĩ là ta sẽ bỏ mất, liền ăn trước mặt bà, rửa bát rồi bỏ vào túi vải, nên lúc đó, bà già này có lòng tin chắc thật. Tôn giả Ca Diếp tự nghĩ: Nên hiện thần thông làm cho người này được an vui thật sự nên ở giữa hư không, thị hiện nhiều thần thông. Bấy giờ, bà già thấy vậy rất vui mừng, nhất tâm quỳ xuống, từ xa thưa thỉnh tôn giả Ca Diếp: Nguyện nhờ phước đức nhỏ này mà được sanh lên cõi trời. Khi ấy, tôn giả Ca Diếp bỗng nhiên không hiện. Vài ngày sau, bà già qua đời, sanh lên cõi trời Đao lợi, oai nghi với vợ làm chấn động trời đất, ánh sáng cực mạnh, ví như trong bảy ngày mà chỉ phát ra trong một lúc, rực rỡ cả cung trời. Đế Thích kinh ngạc, phước đức người nào mà cảm ứng mạnh hơn ta vậy? Liền dùng thiên nhãn quán xét, thiên nữ này phước đức đúng như vậy, liền biết thuở xưa thiên nữ vốn sanh vào nơi này. Bấy giờ, thiên nữ nghĩ: Phước báo này là do nhân duyên ngày trước cúng dường tôn giả Ca Diếp, nay ta nên dùng trăm ngàn châu báu cõi trời dâng cúng tôn giả Ca Diếp còn chưa báo đáp một tí ân đức của tôn gia. Thiên nữ liền dẫn người hầu mang hương hoa cõi trời, trong hư không bỗng nhiên tung hoa xuống trên tôn giả, rồi hạ xuống, nắm vóc đánh lễ

sát đất, lui ra chấp tay dùng kệ tán thán:

*Ba ngàn quốc độ  
Phật tôn quý nhất  
Tiếp đến Ca Diếp  
Mới đóng cửa tội.  
Xưa ở Diêm phù  
Trước hang phân dơ  
Làm người già khổ  
Nghe nói lời chân.  
Người già mừng vui  
Dâng cúng nước gạo  
Thí như hạt cải  
Được phước như núi  
Đạt được thiên nữ  
Thọ hưởng tự nhiên  
Vì thế đến đây  
Quy mạng Phước điền.*

Thiên nữ nói rồi trở về cõi trời. Trời Đế Thích suy nghĩ: Người nữ cúng nước gạo mà được phước như vậy. Ca Diếp tình thương thật lớn, chỉ làm phước cho nhà nghèo chứ không đến dòng họ giàu sang. Thế nên, Đế Thích tìm phương kế để được sự tốt lành, liền cùng với vợ mang trăm thứ thức ăn đựng đầy trong bình nhỏ, đến thành Vương xá, giữa đường giả làm nhà nhỏ xấu xí, thay đổi hình tướng thành ông già, thân hình ốm yếu, đi bộ lưng còm. Hai vợ chồng cùng dệt mền, bộ da-ng nghèo khổ không cất chứa thức ăn. Sau khi tôn giả Ca Diếp đi khát thực, thấy người nghèo khổ này nên đến khát thực. Ông già nói: Nghèo đến nỗi cái gì cũng không có. Tôn giả Ca Diếp chú nguyện điều lành hồi lâu rồi đi. Ông già nói: Vợ chồng chúng tôi quá già chỉ dệt được mền không rảnh đi xin, có một chút thức ăn, sắp ăn, nhưng nghe Nhơn giả hiền đức đến nhà nghèo khát thực, để họ làm phước. Hôm nay, tuy nghèo khổ nhưng tự tâm xả bỏ để cúng dường Hiền giả, xin nhận lấy khiến cho tôi được phước. Vị thức ăn của cõi trời, người đời chẳng biết, nếu mở nắp bình thì hương thơm tỏa ra. Tôn giả biết tất cả nên không nhận. Người già liền nói: Đạo nhân có chút thức ăn chẳng nhiều, đến lấy bình bát, Ca Diếp đưa bình bát để nhận thức ăn và chú nguyện cho thí chủ. Hương thơm này bay đến thành Vương xá, lan khắp cõi nước. Ca Diếp không thích mùi hương đó. Vợ chồng già Đế Thích bỏ thân, bay lên không trung, trong chốc lát vô cùng vui mừng. Tôn giả Ca Diếp suy

ngĩ, liền biết trời Đế thích hóa làm người già để tạo phước. Nay ta đã nhận thì không nên trả lại. Tôn giả khen ngợi Đế thích có nhiều phước đức mà không chán nên chịu xuống trần làm thân xấu này để tạo thêm phước đức thì chắc rằng được phước báo. Vợ chồng người già vui mừng. Lúc ấy, các kỹ nhạc cõi trời đến nghinh đón Đế thích về cung, họ lại vui mừng gấp bội. Nói kệ:

*Phía Nam mây bay, tan không tụ Khách Đông Tây  
nương tựa vào đâu? Vợ hiền nguyện hiến, trộm hi vọng  
Diễn thị màu mỡ há dám mong.  
Sân trước sum sê không xe ngựa Cửa cỏ vắng lặng  
che phủ khắp Đời trước vụt qua chiếu sáng khắp  
Nay khốn khổ không lừa dối mình.*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN  
6)

